



BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Bộ Điều Khoản Và Điều Khoản Của Hợp Đồng Mở Tài Khoản Và Đăng Ký Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán này (“**Bộ ĐKĐK**”) là một phần không tách rời của Hợp Đồng Mở Tài Khoản và đăng ký dịch vụ giao dịch chứng khoán (sau đây gọi là “**HĐ mở TKCK**”).

A. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ và Các từ viết tắt

- 1.1 **Khách hàng:** Là chủ tài khoản giao dịch chứng khoán có thông tin mặc định ghi trong phần thông tin Khách hàng trên HĐ mở TKCK.
- 1.2 **VTGS:** Là Công ty Cổ Phần Chứng khoán VTG (gồm cả sau khi được đổi tên hoặc doanh nghiệp tiếp tục tồn tại sau khi tổ chức lại và kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ Phần Chứng khoán VTG theo HĐ mở TKCK).
- 1.3 **TKCK:** Là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng với số ghi tại trang đầu của HĐ mở TKCK và các tài khoản, tiểu khoản khác được VTGS mở dưới tên Khách hàng gắn với tài khoản đó nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép cho Khách hàng (trong đó có cả tài khoản lưu ký, tài khoản/tiểu khoản giao dịch ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản/tiểu khoản trong tài khoản chuyên dụng của VTGS mở để quản lý tài sản của Khách hàng).
- 1.4 **TKGDKQ:** Là tài khoản/tiểu khoản giao dịch ký quỹ của Khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- 1.5 **Lệnh:** Là lệnh (gồm cả lệnh mua, lệnh bán, lệnh sửa, lệnh hủy, lệnh chuyển tiền, lệnh thanh toán và lệnh giao dịch thuộc loại khác), chỉ thị, chỉ dẫn, chỉ định, hoặc tương đương do Khách hàng lập/gửi/xác nhận liên quan đến TKCK theo quy định của HĐ mở TKCK.
- 1.6 **Ngày giao dịch:** Là ngày dương lịch (không bao gồm thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ khác theo luật, kể cả nghỉ bù) mà vào ngày đó Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và ngân hàng thương mại tại Việt Nam mở cửa để hoạt động bình thường.
- 1.7 **Số điện thoại:** Là số điện thoại cố định, di động hoặc cả hai được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên HĐ mở TKCK hoặc số khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VTGS.
- 1.8 **Thư điện tử (email):** Là thư điện tử (email) được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên HĐ mở TKCK hoặc thư điện tử khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VTGS.

Các từ ngữ được sử dụng riêng cho một phần sẽ được giải thích tại phần đó.

Điều 2: Mở Tài Khoản

- 2.1 Theo đề nghị của Khách hàng, VTGS sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách hàng. Đồng thời, VTGS cũng sẽ mở tài khoản lưu ký chứng khoán cho Khách hàng ngoại trừ trường hợp Khách hàng đã mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác.
- 2.2 Khách hàng được quyền lựa chọn phương thức quản lý tiền gửi như sau:
 - a) VTGS mở tài khoản chuyên dụng tại Ngân hàng thương mại để quản lý tiền gửi giao dịch của Khách hàng trên TKCK của Khách hàng tại VTGS. Trường hợp này, Khách hàng đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho VTGS tự động giữ lại và/hoặc trích tiền từ TKCK của Khách hàng để thanh toán cho các giao dịch chứng khoán đã thực hiện, các khoản phí giao dịch, phí dịch vụ, thuế và các khoản chi phí phát sinh và bất kỳ nghĩa vụ nào với VTGS, với Nhà nước và/hoặc bồi hoàn cho các khoản mà VTGS ứng trước để thực hiện thanh toán cho Khách hàng liên quan đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán tại VTGS.
 - b) Khách hàng mở Tài khoản thanh toán trực tiếp tại ngân hàng thương mại do VTGS lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán, Trong trường hợp này Khách hàng đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho VTGS:
 - (i) Kiểm tra thông tin số dư Tài khoản thanh toán của Khách hàng tại ngân hàng để xác định khả năng thanh toán của Khách hàng cho giao dịch mua chứng khoán khi Khách hàng đặt lệnh mua;
 - (ii) Yêu cầu ngân hàng phong tỏa và/hoặc trích tiền trong Tài khoản thanh toán của Khách hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán mà Khách hàng đặt lệnh mua và các khoản phí giao dịch, phí dịch vụ, thuế và các khoản chi phí phát sinh và bất kỳ nghĩa vụ và/hoặc trách nhiệm nào với VTGS, với Nhà nước liên quan đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán tại VTGS;
 - (iii) Gửi yêu cầu thanh toán đến ngân hàng quản lý Tài khoản thanh toán của Khách hàng.
- 2.3 Cung cấp thông tin liên quan đến Tài khoản thanh toán theo quy định của Pháp luật. Trong thời hạn hiệu lực của HĐ mở TKCK, VTGS cũng có thể mở tài khoản/tiểu khoản khác cho Khách hàng nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép theo yêu cầu của Khách hàng.
- 2.4 Các tài khoản và tiểu khoản này đều gắn với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

Điều 3: Dịch Vụ Chứng Khoán

- 3.1 Khách hàng đề nghị và VTGS đồng ý cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ sau:
 - a) Mở tài khoản giao dịch chứng khoán;
 - b) Thực hiện giao dịch mua, bán và giao dịch khác đối với chứng khoán theo lệnh, yêu cầu hoặc ủy quyền của khách hàng;
 - c) Thực hiện đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ theo quy chế hoặc quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và theo ủy quyền của Khách hàng;
 - d) Quản lý tiền, chứng khoán của Khách hàng trên TKCK (đối với Khách hàng thực hiện giao dịch, lưu ký chứng khoán tại VTGS); hoặc quản lý chứng khoán của Khách hàng (đối với Khách hàng thực hiện giao dịch và lưu ký tại VTGS, thanh toán thông qua tài khoản liên kết mở tại Ngân hàng);
 - e) Quản lý chứng khoán, tiền và tài sản được phép khác của Khách hàng liên quan đến giao dịch chứng khoán theo thỏa thuận với Khách

hàng và phù hợp với chức năng của VTGS;

- f) Hỗ trợ Khách hàng thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán;
 - g) Các dịch vụ giao dịch khác gắn với từng loại tài khoản/tiểu khoản theo thỏa thuận với Khách hàng phù hợp với nghiệp vụ được phép của VTGS; và
 - h) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được VTGS cung cấp trong từng thời kỳ và được công bố trên trang thông tin điện tử của VTGS.
- 3.2 Trong thời hạn hiệu lực của HĐ mở TKCK, Khách hàng có thể đưa ra yêu cầu đăng ký thêm/sửa đổi/hủy tiện ích, dịch vụ liên quan đến TKCK và việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng. Các yêu cầu này phải được lập thành văn bản theo quy định được VTGS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ. VTGS có quyền chấp thuận hoặc từ chối các yêu cầu này của Khách hàng mà không cần giải thích lý do tùy theo quy định và khả năng đáp ứng dịch vụ của VTGS trong từng thời kỳ.

Điều 4: Cách Thức Nhận Lệnh

- 4.1 VTGS nhận Lệnh của Khách hàng theo các cách thức sau:
- a) Nhận Lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch (là địa điểm giao dịch được phép của VTGS);
 - b) Nhận Lệnh qua điện thoại; và
 - c) Nhận Lệnh qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến theo quy định tại **Phần C “ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN”**.
- 4.2 VTGS có thể nhận Lệnh của Khách hàng qua cách thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo chính sách/quy tắc do VTGS ban hành trong từng thời kỳ.
- 4.3 Trong trường hợp hợp đồng/thỏa thuận mà cả VTGS và Khách hàng là một bên có chứa đựng Lệnh thì bằng việc ký hợp đồng/thỏa thuận đó, Khách hàng được coi là lập và gửi Lệnh cho VTGS và VTGS được coi là nhận Lệnh của Khách hàng. Tương tự, nếu Khách hàng gửi văn bản có chứa Lệnh đến VTGS liên quan đến giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba và VTGS chấp thuận việc đó thì bằng việc gửi văn bản, Khách hàng được coi là lập và gửi Lệnh cho VTGS. Các Hợp đồng/thỏa thuận này phải chứa các thông tin của một Phiếu lệnh theo quy định của VTGS.

Điều 5: Quy Định Chung Về Lệnh

- 5.1 Khách hàng chỉ lập và gửi Lệnh theo mẫu do VTGS cung cấp hoặc đồng ý và theo phương thức áp dụng cho loại Lệnh đó quy định trong HĐ mở TKCK.
- 5.2 Lệnh của Khách hàng phải có đủ thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật và VTGS.
- 5.3 Khách hàng là pháp nhân có trách nhiệm tuân thủ quy định nội bộ của mình khi lập và gửi Lệnh (cả về nội dung và thủ tục). Khi nhận được Lệnh của Khách hàng, VTGS được mặc nhiên coi rằng Khách hàng đã tuân thủ quy định nội bộ của mình.
- 5.4 Nếu VTGS không thể xác minh được chữ ký trên Lệnh của Khách hàng so với chữ ký mẫu của Khách hàng sau khi đã thực hiện mọi thủ tục xác minh hợp lý thì VTGS có quyền không thực hiện Lệnh. Nếu VTGS có lý do hợp lý để nghi ngờ chữ ký trên Lệnh không phải là chữ ký Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VTGS) thì VTGS có quyền trì hoãn thực hiện Lệnh cho đến khi đã thực hiện xong việc xác thực cần thiết.
- 5.5 VTGS chỉ thực hiện Lệnh của Khách hàng sau khi Khách hàng đã đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật để Lệnh có thể được thực hiện, kể cả có đủ tiền hoặc chứng khoán theo yêu cầu trên TKCK cho lệnh mua hoặc bán tương ứng.
- 5.6 VTGS được từ chối thực hiện Lệnh nếu Lệnh đó được gửi đến khi đã quá khung thời gian thực hiện (xác định theo quy định và/hoặc quy chế của pháp luật hay hoặc quy định nội bộ của VTGS) hoặc sau thời điểm chốt sổ (cut-off time) (xác định theo chính sách được VTGS áp dụng trong từng thời kỳ).
- 5.7 Việc lập, gửi và thực hiện Lệnh của Khách hàng phải tuân thủ chính sách, quy định và quy chế do VTGS áp dụng trong từng thời kỳ.
- 5.8 Trường hợp Khách hàng ủy quyền cho người khác đặt lệnh thì phải:
- a) Có văn bản ủy quyền theo quy định của VTGS và theo quy định pháp luật. Việc ủy quyền cho người khác đặt lệnh giao dịch phù hợp với quy định pháp luật;
 - b) Chấp nhận kết quả và những nghĩa vụ phát sinh từ lệnh do người được ủy quyền đặt;
 - c) Tự chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Bên nhận ủy quyền giao dịch của Khách hàng; Khách hàng và Bên nhận ủy quyền giao dịch tự giải quyết, đồng thời cam kết và đảm bảo không yêu cầu VTGS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào với bất kỳ lý do gì. Nếu VTGS phải tham gia theo yêu cầu của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền thì Khách hàng và Bên nhận ủy quyền sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm chi trả mọi chi phí để VTGS tham gia.

Điều 6: Quyền Lợi Và Nghĩa Vụ Của Khách Hàng

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của **Bộ Điều Khoản Và Điều Kiện Của Hợp Đồng Mở Tài Khoản Và Đăng Ký Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán** và pháp luật, Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 6.1 Quyền lợi:
- a) Khách hàng là chủ sở hữu hợp pháp với toàn bộ số tiền và chứng khoán trên TKCK, được thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật.
 - b) Khách hàng được hưởng mức lãi suất theo quy định của VTGS công bố trong từng thời kỳ đối với số dư tiền có trên TKCK.
 - c) Khách hàng được rút/chuyển một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKCK khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt HĐ mở TKCK với điều kiện tiền và chứng khoán đó không bị ràng buộc, hạn chế bởi các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào với VTGS/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 - d) Yêu cầu VTGS cung cấp các thông tin liên quan đến các giao dịch và TKCK của Khách hàng.
 - e) Khách hàng có quyền yêu cầu VTGS xuất hóa đơn tài chính theo đúng quy định pháp luật. Khách hàng cần liên hệ với VTGS trong giờ hành chính vào các ngày giao dịch tương ứng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo ngày) hoặc vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo tháng). Nếu Khách hàng không yêu cầu cụ thể, VTGS sẽ gộp phí dịch vụ của Khách hàng vào tổng mức phí dịch vụ của VTGS (của tất cả Khách hàng phát sinh trong tháng) và/hoặc phần lãi vay của Khách hàng vào tổng mức

lãi vay của VTGS (của tất cả Khách hàng phát sinh trong tháng) và xuất hóa đơn tài chính chung cho từng tháng giao dịch vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng tương ứng.

6.2 Nghĩa Vụ:

- a) Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về Khách hàng theo yêu cầu tại HĐ mở TKCK, cam đoan và cam kết thông tin đã cung cấp là đúng sự thật và phải thông báo cho VTGS khi phát sinh những thay đổi có liên quan trong vòng 03 ngày làm việc để VTGS kịp thời cập nhật và điều chỉnh. Khách hàng phải chịu mọi trách nhiệm, rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến việc thay đổi thông tin mà không thông báo hoặc thông báo chậm trễ cho VTGS. Các thông tin của Khách hàng trên TKCK sẽ đồng nhất với các thông tin trên TKGDKQ, các tài khoản, tiểu khoản khác mà VTGS mở theo yêu cầu của Khách hàng. Khi các thông tin của TKCK có sự thay đổi đồng nghĩa với việc các thông tin tại các tài khoản, tiểu khoản khác cũng thay đổi tương ứng.
- b) Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí, thuế, các chi phí khác liên quan liên quan đến việc mở, sử dụng và quản lý tài khoản theo quy định của VTGS, và có trách nhiệm nộp, kê khai các loại thuế, phí liên quan theo quy định của pháp luật. Khách hàng mặc nhiên chấp thuận việc VTGS tự động khấu trừ từ TKCK của Khách hàng hoặc yêu cầu ngân hàng lưu ký phong tỏa và khấu trừ các khoản thanh toán nêu trên.
- c) Nếu Khách hàng không thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh với VTGS theo HĐ mở TKCK và các thỏa thuận khác có liên quan, Khách hàng đương nhiên và tự nguyện chấp thuận để VTGS có toàn quyền và tự động phong tỏa, xử lý các tài sản trên TKCK và các tài sản khác (nếu có) để khấu trừ/ thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu và/hoặc phản đối nào đối với VTGS.
- d) Khách hàng tự chịu rủi ro đối với mọi quyết định sử dụng TKCK, tiền hay tài sản trên TKCK (Khách hàng hiểu rằng VTGS không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào (dù rõ ràng hay ngụ ý) về bảo toàn vốn đầu tư của Khách hàng hay khả năng sinh lợi của vốn đầu tư).
- e) Khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của VTGS có liên quan trong việc mở và sử dụng TKCK, tiền và tài sản trên TKCK.
- f) Khách hàng phải bảo đảm tính hợp pháp về số tiền và chứng khoán Khách hàng sở hữu.
- g) Khách hàng có trách nhiệm trực tiếp đến các Điểm giao dịch của VTGS để chốt số dư tiền và/hoặc số dư chứng khoán trên TKCK hằng năm với VTGS chậm nhất trong vòng 30 ngày đầu tiên của năm tiếp theo. Nếu Khách hàng không thực hiện việc chốt số dư trong thời hạn 30 ngày thì Khách hàng được coi như đã chấp nhận số dư trên TKCK và từ bỏ mọi quyền phản đối và/hoặc thắc mắc và/hoặc khiếu nại đối với các kết quả này.
- h) Khách hàng có nghĩa vụ ký/xác nhận công nợ với VTGS khi có yêu cầu từ VTGS, bên thứ ba có liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- i) Khách hàng có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong trường hợp Khách hàng là hoặc sẽ là đối tượng phải công bố thông tin.
- j) Khách hàng có nghĩa vụ thông báo tới VTGS các giao dịch mà Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật.
- k) Cung cấp đầy đủ phiếu lệnh hợp lệ cho VTGS theo quy định hoặc theo yêu cầu của VTGS.
- l) Bảo mật tất cả các thông tin liên quan đến TKCK của Khách hàng. VTGS sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc thông tin của Khách hàng bị tiết lộ, trừ trường hợp do lỗi của VTGS.

Điều 7: Quyền Và Nghĩa Vụ Của VTGS

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của **Bộ Điều Khoản Và Điều Kiện Của Hợp Đồng Mở Tài Khoản Và Đăng Ký Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán** và pháp luật, VTGS có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

7.1 Quyền:

- a) VTGS được thu phí/giá dịch vụ từ Khách hàng theo mức phí/giá đã công bố cho Khách hàng.
- b) VTGS được tạm khóa/phong tỏa một phần hoặc toàn bộ một hoặc một số TKCK:
 - (i) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - (ii) Theo thỏa thuận giữa Khách hàng và VTGS; hoặc
 - (iii) Theo yêu cầu của chính Khách hàng.
- c) VTGS được ghi tăng/ghi giảm chứng khoán trên TKCK để thực hiện thanh toán theo lệnh mua/bán của Khách hàng đã được thực hiện.
- d) VTGS chỉ có trách nhiệm thực hiện các giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng và không chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch chứng khoán của Khách hàng.
- e) VTGS có quyền tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc mở TKCK, đăng ký sử dụng dịch vụ trên TKCK, đóng/đình chỉ hoạt động của TKCK hoặc hủy bỏ dịch vụ Khách hàng đã đăng ký phù hợp với quy định của HĐ mở TKCK, quy định của VTGS và của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- f) VTGS có quyền khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào trên TKCK, xử lý tài sản/chứng khoán trên TKCK hoặc yêu cầu ngân hàng nơi Khách hàng mở tài khoản tiền giao dịch chứng khoán trích số dư tiền trên tài khoản tiền để thanh toán cho phần nghĩa vụ mà Khách hàng phải thực hiện với VTGS, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc với bên thứ ba phối hợp cùng VTGS để cung cấp dịch vụ cho Khách hàng. Nếu số tiền và chứng khoán trên TKCK không đủ để thực hiện nghĩa vụ, VTGS có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện bổ sung đầy đủ nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).
- g) VTGS được cung cấp thông tin liên quan đến TKCK và thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

7.2 Nghĩa Vụ:

- a) VTGS phải quản lý tách bạch tiền gửi/tài sản của Khách hàng với tiền gửi/tài sản của Khách hàng khác và với tiền/tài sản của chính VTGS.

- b) VTGS phải công bố mức phí/giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trước khi Khách hàng thực hiện giao dịch.
- c) VTGS có nghĩa vụ cập nhật thông tin thay đổi của Khách hàng liên quan đến TKCK khi Khách hàng có yêu cầu.
- d) VTGS phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế hay quy định có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng liên quan đến TKCK.
- e) VTGS không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không được phép của Khách hàng, trừ trường hợp pháp luật quy định hoặc Khách hàng và VTGS có thỏa thuận khác.
- f) Lưu giữ hồ sơ; bảo mật các thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch và tài khoản theo yêu cầu của Khách hàng. Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch và tài khoản theo yêu cầu của Khách hàng và theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Thông Báo

- 8.1 Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho VTGS bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát của bên thứ ba (kể cả bưu chính hay chuyển phát) đến đến trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch hay điểm giao dịch được phép khác của VTGS theo địa chỉ tương ứng được công bố trên trang thông tin điện tử của VTGS trong từng thời kỳ.
- 8.2 VTGS có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ ghi trên HĐ mở TKCK hoặc địa chỉ khác đã được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VTGS. VTGS cũng có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện (có ghi âm) hoặc gửi tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và qua Thư điện tử đã được Khách hàng ghi trên HĐ mở TKCK, đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VTGS hoặc trang thông tin điện tử chính thức của VTGS. Các hình thức thông báo khác được VTGS cho là phù hợp và không trái quy định của Pháp luật.
- 8.3 Một thông tin/thông báo (nếu có) được xem là đã gửi thành công:
 - a) Nếu gọi điện, tại thời điểm cuộc gọi kết thúc thành công và được ghi âm;
 - b) Nếu gửi qua tin nhắn (SMS), khi người gửi nhận được thông báo của nhà cung cấp dịch vụ chuyển tin nhắn rằng tin nhắn đã được gửi (delivered) thành công;
 - c) Nếu gửi qua thư điện tử, khi thư điện tử có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử người nhận và thư điện tử đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hòm thư của người gửi và trong vòng 24 giờ từ thời điểm thư điện tử đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư điện tử đó không được gửi thành công; và
 - d) Nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo có liên quan.
- 8.4 VTGS và Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho nhau qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến. Cách thức gửi và thời điểm nhận được thông tin, thông báo sẽ theo quy định của **Phần C** “Điều khoản Điều kiện Giao dịch trực tuyến”.
- 8.5 VTGS không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào Khách hàng không duy trì những thông tin liên lạc đã đăng ký và/hoặc không cung cấp kịp thời khi có sự thay đổi thông tin liên lạc dẫn đến việc thông báo bị thất lạc hoặc không đến được người nhận hoặc Khách hàng từ chối nhận thông báo từ VTGS thì phần lỗi hoàn toàn thuộc về phía Khách hàng.

Điều 9: Sửa Đổi

- 9.1 VTGS có quyền sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ ĐKĐK miễn là các thay đổi này được VTGS công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của VTGS và/hoặc thông báo cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do VTGS lựa chọn tại từng thời điểm như: gửi email, gửi thư về địa chỉ liên hệ, nhắn tin SMS, gọi điện thoại qua số điện thoại mà Khách hàng đã đăng ký, thông báo trên hệ thống giao dịch trực tuyến của VTGS hoặc bất kỳ phương thức nào khác trước khi thay đổi có hiệu lực. Nếu Khách hàng không có ý kiến phản đối trước thời điểm các thay đổi này có hiệu lực hoặc tiếp tục sử dụng tài khoản và các dịch vụ giao dịch chứng khoán sau ngày mà các thay đổi có hiệu lực thì Khách hàng mặc nhiên được xem là chấp thuận các thay đổi đó và đồng ý tiếp tục thực hiện Hợp đồng theo các điều khoản, điều kiện mới.
- 9.2 Các công bố, thông báo, văn bản sửa đổi, bổ sung Bộ ĐKĐK (nếu có) sẽ cấu thành một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này và có giá trị ràng buộc các bên.

Điều 10: Cam Kết Của Khách Hàng Và VTGS

- 10.1 VTGS phải bồi thường cho Khách hàng đối với thiệt hại/tổn thất mà Khách hàng thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc VTGS có hành vi vi phạm HĐ mở TKCK.
- 10.2 Khách hàng phải bồi thường và bồi hoàn cho VTGS (hoặc bên thứ ba do VTGS chỉ định) đối với thiệt hại/tổn thất mà VTGS (hoặc bên đó) thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc Khách hàng sử dụng TKCK và dịch vụ tại VTGS hoặc Khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm HĐ mở TKCK.
- 10.3 VTGS được miễn trách nhiệm với Khách hàng nếu không thực hiện một hành động mà theo đánh giá của VTGS, việc thực hiện hành động đó sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật.
- 10.4 VTGS không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật của Khách hàng. VTGS cũng không phải chịu trách nhiệm do hành vi của bất kỳ bên thứ ba nào mà không phải là đại diện của VTGS.
- 10.5 Khách hàng hiểu rằng mình phải tự quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đó của mình (thông tin, phân tích, ý kiến của VTGS chỉ mang tính chất tham khảo).
- 10.6 Khi Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền ký tên vào Lệnh, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi yêu cầu VTGS thực hiện Lệnh.
- 10.7 Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch do VTGS thực hiện theo Lệnh của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo cách thức đặt Lệnh được Khách hàng và VTGS thỏa thuận tại HĐ mở TKCK.
- 10.8 Khách hàng và người ủy quyền hợp pháp của Khách hàng có trách nhiệm theo dõi và tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền, số dư chứng khoán trên TKCK và chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường. Nếu có thắc mắc liên quan tới TKCK, giao dịch đã được thực hiện cũng như những dịch vụ do VTGS cung cấp (kể cả sai sót, giao dịch trái thẩm quyền) thì Khách hàng phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới VTGS trong vòng 24 giờ kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc từ ngày diễn ra sự thay đổi trên TKCK của Khách hàng. Sau thời hạn này, nếu Khách hàng không có bất kỳ phản đối nào, Khách hàng được xem là mặc nhiên xác nhận các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán của Khách hàng trên TKCK. VTGS không có trách nhiệm đối với các giao dịch nào được thực hiện trên TKCK ngoại trừ các giao dịch

mà Khách hàng đã thực hiện theo đúng HĐ mở TKCK và đã được xác minh là có sai sót, gian lận hoặc giao dịch trái thẩm quyền do lỗi của VTGS.

- 10.9 Trường hợp Khách hàng là tổ chức, Khách hàng cam đoan rằng nội dung và việc ký HĐ mở TKCK đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng và người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.
- 10.10 Trong mọi trường hợp, Khách hàng cam đoan đã và sẽ tìm hiểu, nắm bắt và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của VTGS liên quan đến việc giao dịch chứng khoán, sử dụng TKCK của Khách hàng và các quy định về phòng chống rửa tiền.
- 10.11 Đối với Khách hàng sử dụng dịch vụ liên kết trực tiếp TKCK và Tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, Khách hàng đồng ý ủy quyền cho VTGS được toàn quyền thực hiện việc tra cứu thông tin Tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại ngân hàng để kiểm tra số dư, phong tỏa số dư, thanh toán tiền và phí, thuế (nếu có) cho các lệnh mua và bán chứng khoán của Khách hàng đã được thực hiện; thực hiện các thủ tục nhận các khoản thu nhập và quyền hợp pháp gắn với số chứng khoán của Khách hàng và thực hiện các hoạt động khác nhằm đảm bảo các nghĩa vụ của Khách hàng theo HĐ mở TKCK này và các Hợp đồng khác đã ký với VTGS.
- 10.12 Khách hàng là pháp nhân cam kết, trong mọi trường hợp bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì Khách hàng phải đảm bảo pháp nhân mới thành lập sau quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập phải kế thừa và tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của HĐ mở TKCK này.
- 10.13 Trường hợp Khách hàng không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong HĐ mở TKCK này hoặc không có khả năng thanh toán đúng hạn thì Khách hàng đồng ý cho phép VTGS được áp dụng biện pháp phong tỏa TKCK của Khách hàng và được quyền định đoạt số tài sản này để khấu trừ/thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng theo HĐ mở TKCK này mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu hoặc phản đối nào đối với VTGS.

Điều 11: Hiệu Lực, Chấm Dứt Và Thanh Lý

- 11.1 HĐ mở TKCK có hiệu lực từ ngày ký.
- 11.2 HĐ mở TKCK có thể bị chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Khách hàng và VTGS. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của Khách hàng và VTGS khi HĐ mở TKCK bị chấm dứt sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Khách hàng và VTGS.
- 11.3 VTGS có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK trong các trường hợp sau:
- a) Khách hàng vi phạm pháp luật trong việc mở/sử dụng TKCK hoặc dịch vụ tại VTGS mà theo đánh giá của VTGS vi phạm đó gây hoặc có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mình;
 - b) VTGS phải chấm dứt HĐ mở TKCK theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền;
 - c) Khách hàng vi phạm nghiêm trọng HĐ mở TKCK hoặc quy định của VTGS trong quá trình sử dụng TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày Khách hàng nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ VTGS;
 - d) Khách hàng có hành vi lừa dối, kể cả cung cấp sai thông tin cho thủ tục “nhận biết Khách hàng” hoặc mở tài khoản;
 - e) Khách hàng là cá nhân chết, bị Tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích hoặc có dấu hiệu khó khăn nghiêm trọng về tài chính; Khách hàng là tổ chức có các khó khăn lớn về tài chính dẫn đến năng lực tài chính bị ảnh hưởng nghiêm trọng và/hoặc mất tư cách pháp nhân, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động, bị giải thể, phá sản, có các hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán hoặc rửa tiền;
 - f) VTGS đề xuất sửa đổi HĐ mở TKCK mà Khách hàng không đồng ý;
 - g) VTGS ngừng thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, bị giải thể, phá sản, thu hồi Giấy phép hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - h) VTGS thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn đến dừng hoạt động và tổ chức được hình thành từ việc tổ chức lại không kế thừa quyền và nghĩa vụ của VTGS theo HĐ mở TKCK;
 - i) VTGS gửi văn bản thông báo chấm dứt cho Khách hàng.

VTGS thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách hàng. HĐ mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 07 (bảy) ngày từ ngày gửi thông báo trừ trường hợp được quy định tại điểm b, c, e VTGS có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK ngay lập tức.

- 11.4 Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK nếu VTGS vi phạm nghiêm trọng HĐ mở TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày VTGS nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ Khách hàng. Khách hàng thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VTGS. HĐ mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

Khách hàng cũng có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK vì bất kỳ lý do nào khác bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VTGS. HĐ mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 30 ngày từ ngày gửi thông báo.

- 11.5 Cho dù HĐ mở TKCK này chấm dứt trong bất kỳ tình huống nào trên đây, Khách hàng và VTGS sẽ cùng nhau tiến hành thủ tục thanh lý để cho phép:
- a) VTGS chuyển giao tiền và tài sản còn trên TKCK (sau khi đã khấu trừ các loại thuế, phí và nghĩa vụ còn tồn đọng với VTGS hoặc bên thứ ba (thông qua VTGS));
 - b) VTGS đóng TKCK.

Hợp đồng chỉ được coi là thanh lý xong khi các Bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của mình phát sinh từ và/hoặc liên quan đến HĐ mở TKCK này.

- 11.6 Ngay cả trong trường hợp HĐ mở TKCK được chấm dứt, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng đối với VTGS theo HĐ mở TKCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn tất khi Khách hàng đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đó với VTGS.
- 11.7 Trừ khi Khách hàng và VTGS có thỏa thuận khác, việc chấm dứt HĐ mở TKCK không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Khách hàng và VTGS phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại Điều 12 vẫn tiếp tục áp dụng sau khi HĐ mở TKCK chấm dứt.

Điều 12: Bảo Mật Và Sử Dụng Thông Tin

- 12.1 Mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký và nội dung HĐ mở TKCK và chỉ được tiết lộ (i) khi được bên kia chấp thuận trước, (ii) nhằm tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết tranh chấp hoặc (iii) nhằm phục vụ việc tuân thủ nội bộ và vận hành của VTGS.
- 12.2 Khách hàng đồng ý và cho phép VTGS lưu giữ và xử lý thông tin về Khách hàng (trong đó có thông tin về tài khoản, tài sản và giao dịch) mà VTGS nhận được liên quan đến hoặc theo Hợp Đồng này, giao dịch giữa Khách hàng và VTGS hay giao dịch giữa Khách hàng và bên thứ ba qua hệ thống/dịch vụ của VTGS (gọi chung là “**thông tin**”). VTGS sẽ lưu giữ thông tin ở chế độ bảo mật và chỉ tiết lộ trong phạm vi cho phép bởi HĐ mở TKCK.
- 12.3 Khách hàng đồng ý và cho phép VTGS sử dụng, lưu trữ, chia sẻ, gửi đi (kể cả ra bên ngoài địa điểm kinh doanh của VTGS) và trao đổi thông tin với người khác mà VTGS thấy cần thiết:
- Nhằm cung cấp dịch vụ cho Khách hàng (gồm cả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, các Sở giao dịch chứng khoán, đối tác giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho Khách hàng phụ trợ cho dịch vụ của VTGS);
 - Nhằm hỗ trợ hay tạo điều kiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của bên thứ ba qua VTGS;
 - Để tuân thủ pháp luật Việt Nam;
 - Liên quan đến hoạt động hợp pháp của VTGS nhằm tăng chất lượng dịch vụ/trải nghiệm cho Khách hàng nói chung (trong đó có hoạt động chấm điểm tín dụng (credit scoring), phân tích thị trường, nghiên cứu và phân tích nhu cầu Khách hàng và các mục đích vận hành và quản trị khác);
 - Nhằm thực hiện nghĩa vụ của VTGS với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả nhằm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền); và
 - Nhằm mục đích kiểm soát rủi ro;
 - Khi cung cấp thông tin cho bên thứ ba (ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, các Sở giao dịch chứng khoán hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), VTGS sẽ nỗ lực để bảo đảm bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.
- 12.4 Khách hàng đồng ý và cho phép VTGS (trong phạm vi không bị pháp luật cấm) thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và thực hiện giao dịch, dịch vụ báo cáo, lưu ký, giám sát, quản lý rủi ro và các dịch vụ khác được phép. Khách hàng đồng ý và cho phép VTGS tiết lộ thông tin cho bên thứ ba đó trong phạm vi VTGS cho là cần thiết trên cơ sở bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

Điều 13: Luật Điều Chỉnh

HĐ mở TKCK được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 14: Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến HĐ mở TKCK sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày từ ngày bắt đầu thương lượng, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

B. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

Điều 15: Giải Thích Từ Ngữ

Trong Phần B này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 15.1 **Ứng trước tiền bán chứng khoán (ÚTTBCK):** Là dịch vụ mà VTGS hỗ trợ vốn giúp Khách hàng nhận tiền ngay sau khi khớp lệnh bán chứng khoán mà không cần chờ tiền bán về tài khoản như quy định hiện hành. Khách hàng cam kết hoàn trả đầy đủ cho VTGS số tiền ứng trước và phí ứng trước theo quy định của VTGS tùy từng thời điểm. VTGS có quyền thụ hưởng tiền bán chứng khoán mà không cần bất kỳ sự đồng ý nào khác từ Khách hàng.
- 15.2 **Lệnh bán:** Là lệnh do Khách hàng lập và gửi cho VTGS để bán chứng khoán.
- 15.3 **Khớp lệnh:** Là việc Lệnh bán được đưa vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán và đã được khớp lệnh thành công.
- 15.4 **Tiền bán chứng khoán:** là số tiền Khách hàng sẽ được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh bán có liên quan và đã được VTGS xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.
- 15.5 **Phí ứng trước:** Là khoản phí Khách hàng phải trả cho VTGS do sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo biểu phí do VTGS quy định trong từng thời kỳ.
- 15.6 **Số tiền ứng trước:** Là số tiền VTGS chuyển vào TKCK trên cơ sở yêu cầu **ÚTTBCK thủ công** của Khách hàng và hoặc **ÚTTBCK tự động**.
- 15.7 **Ứng trước tiền bán chứng khoán thủ công:** Là sau khi Lệnh bán chứng khoán của Khách hàng được báo khớp lệnh thành công đến trước ngày tiền về tài khoản, Khách hàng có nhu cầu ứng tiền để tăng tiền trong TKCK hoặc để rút tiền/chuyển khoản tiền ra khỏi TKCK, Khách hàng sẽ phải thực hiện yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán trực tuyến/quá điện thoại hoặc trực tiếp tại quầy giao dịch của VTGS.
- 15.8 **Ứng trước tiền bán chứng khoán tự động:** Là sau khi Lệnh bán chứng khoán của Khách hàng được báo khớp lệnh thành công đến trước ngày tiền về tài khoản, giá trị tiền bán chứng khoán (sau khi đã trừ phí, thuế, phí Ứng trước, tiền thiếu của lệnh mua chờ khớp, đã khớp, nợ ứng trước, số tiền tương ứng với tỉ lệ giữ lại tiền bán chứng khoán ...) sẽ được tự động cộng vào số tiền có thể mua/số tiền có thể rút của Khách hàng. Khách hàng có thể sử dụng số tiền có thể mua này để thực hiện các lệnh giao dịch mua chứng khoán tiếp theo, sử dụng số tiền có thể rút để thực hiện rút tiền nếu có nhu cầu. Nếu Lệnh mua chứng khoán của Khách hàng khớp theo kết quả giao dịch và/hoặc theo số tiền khách hàng rút tiền nếu có, VTGS sẽ tự động thực hiện giải ngân ứng trước vào TKCK số tiền đúng bằng số tiền còn thiếu và Phí ứng trước để thanh toán cho các nghĩa vụ thanh toán của lệnh mua đã khớp và/hoặc của số tiền khách hàng đã rút.

Điều 16: Điều Kiện Và Cách Thức Thực Hiện

- 16.1 Khi đăng ký mở TKCK, Khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của VTGS. Trên cơ sở yêu cầu của Khách hàng (đã được lập phù hợp), VTGS có quyền nhưng không có nghĩa vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách hàng.
- 16.2 VTGS có thể tự động ứng trước tiền bán chứng khoán trên TKCK nếu Khách hàng có nghĩa vụ tài chính đến hạn với VTGS, kể cả nghĩa vụ phải thanh toán trên tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ.

- 16.3 Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Tiền bán chứng khoán trừ phí giao dịch, Phí ứng trước, thuế và phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).
- 16.4 Bằng việc gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán và phụ thuộc vào việc được VTGS ứng trước theo yêu cầu đó, Khách hàng chuyển giao vô điều kiện cho VTGS quyền nhận Tiền bán chứng khoán có liên quan. VTGS được nhận Tiền bán chứng khoán để bù trừ nghĩa vụ Khách hàng hoàn trả cho VTGS toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước.

Điều 17: Quyền Và Nghĩa Vụ Của Khách hàng

- 17.1 Khách hàng có quyền gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán khi đáp ứng điều kiện như đã nêu tại Điều 16.
- 17.2 Khách hàng đồng ý để VTGS được tự động khấu trừ tiền từ TKCK để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước. Khách hàng cam kết không đưa ra khiếu nại, khiếu kiện về việc VTGS khấu trừ tiền từ TKCK như vậy. Trường hợp TKCK của Khách hàng không đủ để thanh toán các khoản nợ, Khách hàng sẽ nộp tiền theo yêu cầu của VTGS để thanh toán nợ. Nếu Khách hàng không nộp đủ tiền đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu, Khách hàng đồng ý ủy quyền cho VTGS toàn quyền quyết định việc bán chứng khoán trên tài khoản Khách hàng để thu hồi nợ. Nếu Khách hàng không có số dư chứng khoán hoặc sau khi bán VTGS vẫn chưa thu hồi hết nợ, VTGS có quyền thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết khác để thu hồi nợ.
- 17.3 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán hoặc kết quả khớp lệnh bị hủy theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Sở giao dịch chứng khoán vì bất kỳ lý do nào thì Khách hàng phải hoàn trả lại cho VTGS toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của VTGS.

Điều 18: Quyền Và Nghĩa Vụ Của VTGS

- 18.1 VTGS được tự động khấu trừ TKCK để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc ứng trước tiền bán chứng khoán mà không cần có lệnh hay chấp thuận của Khách hàng.
- 18.2 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán hoặc kết quả khớp lệnh bị hủy theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Sở giao dịch Chứng khoán vì bất kỳ lý do nào thì VTGS được toàn quyền chủ động phong tỏa toàn bộ tiền, Chứng khoán có trên TKCK của Khách hàng và chủ động xử lý số tiền/Chứng khoán đó để thu hồi toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả. Trường hợp cần bán Chứng khoán thì VTGS được thực hiện bán toàn bộ hoặc một phần Chứng khoán trên TKCK của Khách hàng tại mọi mức giá để thu hồi toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả trong các phiên giao dịch tiếp theo ngay sau khi nhận được thông báo Lệnh bán chứng khoán của Khách hàng bị hủy giao dịch/hủy thanh toán.
- 18.3 VTGS được đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu VTGS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho VTGS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của VTGS.

Điều 19: Quy Định Khác

Tùy từng thời kỳ, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán có thể thực hiện qua nguồn của VTGS hoặc bên thứ ba. Khách hàng đồng ý rằng nếu việc ứng trước thực hiện qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ **Phần B** này, Khách hàng cũng sẽ tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước tiền bán chứng khoán.

C. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

Điều 20: Giải Thích Từ Ngữ

Trong **Phần C** này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 20.1 **Chấp thuận điện tử:** Là chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc tương đương do Khách hàng lập và gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến, từ Số điện thoại hoặc từ Thư điện tử. Chấp thuận điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm).
- 20.2 **Chữ ký số:** Là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số.
- 20.3 **Hệ thống Giao dịch trực tuyến:** Là tập hợp các Ứng dụng thiết bị điện tử, Website giao dịch, Tổng đài giao dịch qua điện thoại và hệ thống khác được VTGS sử dụng để cho phép Khách hàng truy cập vào TKCK và thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet hoặc qua điện thoại.
- 20.4 **Tên đăng nhập:** Là dãy ký tự do VTGS cung cấp cho Khách hàng để sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến.
- 20.5 **Mật khẩu:** Là mật khẩu dùng nhiều lần, mật khẩu dùng một lần (one-time password - OTP), khóa token (token key), mã xác thực (authentication code), mã PIN (personal identification number), đặc điểm sinh trắc học (vân tay, mống mắt hay khuôn mặt) và phương thức/thông điệp xác thực khác cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng liên quan đến TKCK.
- 20.6 **Website giao dịch:** Là phần của trang thông tin điện tử của VTGS mà Khách hàng có thể truy cập vào TKCK để thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống.
- 20.7 **Hợp đồng điện tử:** Là hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc tương đương được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyển giao thông qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại).
- 20.8 **Lệnh điện tử:** Là lệnh do Khách hàng lập gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm). Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến (ví dụ lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKCK).
- 20.9 **Thao tác/giao dịch trên hệ thống** gồm:
- Truy cập, xem và kiểm tra thông tin và các thao tác khác trên TKCK;
 - Gửi, nhận, xem và đọc Thông điệp dữ liệu;
 - Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Lệnh điện tử;
 - Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Chấp thuận điện tử;
 - Xem, từ chối hay ký kết Hợp đồng điện tử; và
 - Các thao tác khác có trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến.

- 20.10 **Thông điệp dữ liệu:** Là thông tin liên lạc, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, bản cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử) được gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến, qua điện thoại hoặc tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử.
- 20.11 **Tổng đài giao dịch qua điện thoại:** Là hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi và có dự phòng của VTGS.
- 20.12 **Ứng dụng thiết bị điện tử:** Là ứng dụng (application), phần mềm (software) do VTGS hoặc đối tác của VTGS sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của VTGS, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính (computer) hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKCK và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet.

Điều 21: Đối Tượng Điều Chính

Phần C này điều chỉnh việc Khách hàng sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến để (i) nhận, đọc và gửi Thông điệp dữ liệu; (ii) đưa ra và gửi Lệnh điện tử; (iii) đưa ra và gửi Chấp thuận điện tử; (iv) ký kết và chuyển giao Hợp đồng điện tử và (v) thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống khác. **Phần C** này cũng điều chỉnh việc sử dụng Số điện thoại và Thư điện tử cho một số mục đích nhất định.

Điều 22: Quan Hệ Với Thỏa Thuận Khác

Phần C này bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa VTGS và Khách hàng trong phạm vi liên quan đến đối tượng điều chỉnh của **Phần C** này. Nếu có sự không thống nhất giữa **Phần C** này và bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào liên quan đến đối tượng điều chỉnh của **Phần C** này thì **Phần C** này sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 23: Hệ Thống Giao Dịch Trực Tuyến

- 23.1 Ứng dụng thiết bị điện tử, Website giao dịch, Tổng đài giao dịch qua điện thoại hay hệ thống khác thuộc Hệ thống Giao dịch trực tuyến sẽ là ứng dụng, phần mềm hay hệ thống được VTGS công bố công khai trên trang thông tin điện tử của mình hoặc theo cách khác trong từng thời kỳ hoặc được ghi trên HĐ mở TKCK.
- 23.2 Khi tải và cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử, Website hay sử dụng hệ thống khác thuộc Hệ thống Giao dịch trực tuyến và thực hiện việc truy cập vào TKCK, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc sử dụng ứng dụng, phần mềm hay hệ thống đó như là một phần của Hệ thống Giao dịch trực tuyến cho các mục đích được quy định trong **Phần C** này.
- 23.3 Trừ khi Khách hàng và VTGS có thỏa thuận khác trong phần khác của HĐ mở TKCK, bằng **Phần C** này, Khách hàng đồng ý sử dụng Tổng đài giao dịch qua điện thoại để đặt/gửi một số Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử và thực hiện một số Thao tác/giao dịch trên hệ thống giới hạn khác liên quan đến TKCK. Trừ trường hợp được VTGS đồng ý khác đi, mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng qua Tổng đài giao dịch qua điện thoại phải được thực hiện từ Số điện thoại Khách hàng đã đăng ký mục thông tin khách hàng của HĐ mở TKCK.
- 23.4 Khi Khách hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến, Khách hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, nếu Khách hàng lựa chọn phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”) ngay bên dưới một Hợp đồng điện tử thì Khách hàng được coi là đã ký kết Hợp đồng điện tử đó. Khách hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách hàng thực hiện trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại.

Điều 24: Nhận Và Gửi Thông Tin

24.1 Nhận Thông Tin:

- a) Mọi Thông điệp dữ liệu từ VTGS hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua VTGS sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách hàng nếu được gửi theo một trong các phương thức sau:
- (i) Gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến đến địa chỉ là tên truy cập TKCK (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là thời điểm ghi nhận trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến); hoặc
 - (ii) Gửi đến Thư điện tử (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là khi thư có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ Thư điện tử và thư gửi đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hộp thư của người gửi và trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm thư đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư đó không được gửi thành công).
- b) Mật khẩu mà VTGS cấp cho Khách hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách hàng theo một trong các phương thức trên.
- c) VTGS cũng có thể gửi thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện đến Số điện thoại và có ghi âm. Thời điểm Khách hàng nhận được thông báo là khi cuộc gọi kết thúc. Nếu thông báo đã được truyền tải bằng cách gọi điện phải được lập bằng văn bản (theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật) thì sau khi gọi điện, VTGS phải gửi Thông điệp dữ liệu chứa thông báo đó theo một trong các phương thức trên đây để Khách hàng lưu giữ.

24.2 Xem Và Đọc Thông Tin:

Khách hàng có thể xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến thay cho việc VTGS cung cấp tài liệu in trực tiếp để Khách hàng xem và đọc. Việc Khách hàng xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến như vậy có giá trị pháp lý như việc VTGS cung cấp tài liệu in trực tiếp cho Khách hàng (trừ khi có sai sót trong nội dung hiển thị do lỗi kỹ thuật).

24.3 Gửi Thông Tin:

Khách hàng có thể gửi Thông điệp dữ liệu cho VTGS hay cho tổ chức/cá nhân khác thông qua VTGS qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại). Thời điểm Khách hàng gửi đi là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến.

24.4 Giá Trị Của Thông Tin

- a) Thông tin trong Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng Thông điệp dữ liệu;
- b) Trường hợp pháp luật hay hợp đồng/thỏa thuận của Khách hàng và VTGS yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì Thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này;
- c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc; và

d) Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ và giá trị này không thể bị phủ nhận chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

Điều 25: Giao Kết, Chuyển Giao Và Thực Hiện Hợp Đồng Điện Tử

- 25.1 Hợp đồng điện tử có thể được ký kết trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến theo các thao tác ghi trên đó. Việc ký kết Hợp đồng điện tử qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến phải được xác thực theo quy định tại Điều 27.
- 25.2 Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số của một bên và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều 24.
- 25.3 Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:
- Ký kết toàn văn: Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến; Ký chấp nhận: Một bên gửi đề nghị giao kết hợp đồng và bên kia ký chấp nhận giao kết hợp đồng cũng bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc
 - Hình thức khác được Khách hàng và VTGS thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- 25.4 Thời điểm một bên ký kết Hợp đồng điện tử sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc hệ thống khác của VTGS.
- 25.5 Hợp đồng điện tử được ký kết theo Điều 25 này có giá trị pháp lý đầy đủ và ràng buộc Khách hàng và VTGS ký kết như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

Điều 26: Đặt Lệnh Và Gửi Chấp Thuận Điện Tử

- 26.1 Khách hàng có thể đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến. Thời điểm Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- 26.2 Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử bằng cách gọi từ Số điện thoại đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại. Mọi cuộc gọi của Khách hàng đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại sẽ được ghi âm lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Nếu có yêu cầu của VTGS hay pháp luật, sau khi gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại, Khách hàng phải gửi lệnh, văn bản chấp thuận được ký bằng tay hoặc Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt/gửi theo phương thức khác chứa đựng Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt hay đưa ra trong cuộc gọi.
- 26.3 Nếu Khách hàng đăng ký và được VTGS chấp thuận (hoặc Khách hàng và VTGS có thỏa thuận), Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử từ Thư điện tử.
- 26.4 VTGS chỉ phải thực hiện Lệnh điện tử được gửi hợp lệ từ Khách hàng sau khi thực hiện giải pháp xác thực quy định tại Điều 27 dưới đây.
- 26.5 Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và VTGS.
- 26.6 Khách hàng đồng ý rằng việc gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với VTGS hay đối tác có liên quan.
- 26.7 Khách hàng đồng ý rõ ràng rằng khi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho VTGS phù hợp với Điều 26 này:
- Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách hàng;
 - VTGS được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách hàng ủy quyền cho VTGS toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu lệnh hoặc các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKCK của Khách hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên);
 - Nếu VTGS nhận được bất kỳ phiếu lệnh hay văn bản nào từ Khách hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì VTGS vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi VTGS và Khách hàng đã thống nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và
 - VTGS không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà VTGS thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán mà VTGS tiến hành dựa trên Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó).

Điều 27: Quy Định Về Xác Thực

- 27.1 Đối với việc giao kết Hợp đồng điện tử hay chấp nhận Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử, VTGS sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên.
- 27.2 Khách hàng phải lựa chọn giải pháp xác thực do VTGS cung cấp khi mở TKCK có liên quan và đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến/điện tử và được đăng ký lại giải pháp xác thực khi có nhu cầu. Nếu Khách hàng không đăng ký thì VTGS được ấn định giải pháp xác thực áp dụng cho Khách hàng.
- 27.3 Hợp đồng điện tử chỉ được coi là giao kết bởi Khách hàng một khi được Khách hàng ký kết phù hợp với Điều 26 và tất cả thông tin do Khách hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống Giao dịch trực tuyến (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống Giao dịch trực tuyến và gửi cho Khách hàng như mật khẩu sử dụng một lần (OTP) hay mã xác nhận (authentication code)). Quy định này cũng áp dụng tương tự cho việc gửi và thực hiện Lệnh điện tử.

Điều 28: Quyền Và Nghĩa Vụ Của Khách hàng và VTGS

28.1 Quyền Và Nghĩa Vụ Của VTGS:

- VTGS có trách nhiệm xây dựng Hệ thống Giao dịch trực tuyến đáp ứng được yêu cầu của pháp luật để thực hiện Giao dịch trực tuyến, giao dịch chứng khoán trực tuyến.
- VTGS phải lưu trữ thông tin, dữ liệu, văn bản, tài liệu liên quan đến Khách hàng (kể cả Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử và Hợp đồng điện tử) theo đúng yêu cầu của pháp luật.
- VTGS có toàn quyền bổ sung, xóa bớt tính năng, điều chỉnh giao diện, thay đổi cấu trúc hoặc thực hiện bất kỳ điều chỉnh/thay đổi nào khác đối với Hệ thống Giao dịch trực tuyến mà không cần thông báo cho Khách hàng (trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông báo) (trong trường hợp này, bằng việc tiếp tục sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến đã được điều chỉnh/thay đổi như vậy, Khách

hàng được coi là chấp nhận toàn bộ thay đổi/điều chỉnh đó).

- d) VTGS được thu phí cung cấp dịch vụ Giao dịch trực tuyến qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến theo mức phí công khai trên trang thông tin điện tử của mình.
- e) VTGS không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống Giao dịch trực tuyến mà:
 - (i) Phát sinh do xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (ii) Phát sinh do Khách hàng làm lộ Mật Khẩu hoặc thông tin truy cập TKCK; hoặc
 - (iii) Phát sinh do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với VTGS;
 - (iv) Phát sinh từ các rủi ro được nêu tại Điều 29;
 - (v) Phát sinh không do lỗi của VTGS đối với **Phần C** này.
- f) VTGS cũng được miễn trách nhiệm đối với Khách hàng đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống Giao dịch trực tuyến do Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng bị sai sót, bị gián đoạn, bị cản trở hoặc bị chậm trễ do:
 - (i) Hệ thống xử lý, hệ thống đường truyền của VTGS gặp trục trặc hay sự cố kỹ thuật;
 - (ii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa Khách hàng và VTGS bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - (iii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa VTGS và bất kỳ bên thứ ba nào (kể cả Sở giao dịch chứng khoán hay Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - (iv) VTGS phải thực hiện thêm việc xác thực/kiểm tra khi có bằng chứng hoặc lý do khác để nghi ngờ Thao tác/giao dịch trên hệ thống đó không do chính Khách hàng thực hiện;
 - (v) Việc xác thực không thành công; hoặc
 - (vi) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- g) VTGS có quyền gửi tin nhắn hoặc gọi điện đến Số điện thoại hoặc gửi thư đến Thư điện tử của Khách hàng.
- h) VTGS không đưa ra bất kỳ cam đoan hay cam kết nào về (i) sự chính xác, đầy đủ hay kịp thời của Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc (ii) khả năng không bị gián đoạn hay mắc lỗi của Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- i) VTGS có thể đơn phương tạm ngừng hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ vì bất kỳ lý do gì sau khi VTGS thông báo trước tới Khách hàng thông qua một trong các hình thức do VTGS lựa chọn được quy định tại HĐ mở TKCK này khi VTGS thấy cần thiết.
- j) VTGS có quyền chuyển chứng từ điện tử sang chứng từ giấy. Khách hàng cam kết hợp tác với VTGS trong việc hoàn thiện tính pháp lý của chứng từ bằng văn bản theo yêu cầu của VTGS và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- k) VTGS không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên hoặc thực hiện thành công các giao dịch trực tuyến của bất kỳ Khách hàng nào khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến.
- l) Kịp thời thông báo cho Khách hàng và nỗ lực tối đa trong thời gian sớm nhất để khắc phục sự cố khi xảy ra lỗi đường truyền hoặc lỗi hệ thống dẫn đến giao dịch trực tuyến của Khách hàng không thể thực hiện được.
- m) Tạm ngưng cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến để bảo trì, chỉnh sửa, nâng cấp Hệ thống sau khi đã thông báo trên trang thông tin điện tử của VTGS hoặc bằng phương tiện khác do VTGS quy định theo từng thời kỳ.
- n) VTGS có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại **Phần C** này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với Khách hàng và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

28.2 Quyền Và Nghĩa Vụ Của Khách hàng

- a) Khách hàng được cấp quyền sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến sau khi đã cài đặt và chấp thuận các điều khoản và điều kiện áp dụng cho ứng dụng, phần mềm hay hệ thống tương ứng (quyền sử dụng của Khách hàng là không độc quyền, không được chuyển giao và có thể bị rút lại theo toàn quyền quyết định của VTGS).
- b) Khách hàng có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm soát và sử dụng TKCK và bảo đảm sự chính xác của Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- c) Khách hàng không được sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến để thực hiện giao dịch trái pháp luật.
- d) Khách hàng phải sử dụng thiết bị điện tử có hệ điều hành tương thích để cài đặt và sử dụng Ứng dụng thiết bị điện tử; Khách hàng có trách nhiệm cài đặt các phần mềm chống virus có uy tín trên các thiết bị điện tử này.
- e) Khách hàng không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- f) Khách hàng phải tự ghi nhớ và chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo mật thông tin TKCK và tất cả Mật khẩu cho riêng mình; Khách hàng không được chia sẻ thông tin TKCK hay Mật khẩu với bất kỳ ai khác nếu không được VTGS chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.
- g) Khách hàng tự chịu trách nhiệm đối với mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống được thực hiện đối với TKCK (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ Thao tác/giao dịch trên hệ thống nào được thực hiện đối với TKCK đều mặc nhiên được hiểu là được chính Khách hàng thực hiện trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VTGS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất Mật khẩu hoặc thiết bị điện tử có cài đặt Hệ thống Giao dịch trực tuyến).
- h) Khách hàng cũng tự chịu trách nhiệm đối với mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử đều mặc nhiên được hiểu là do chính Khách hàng đặt và gửi đi trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VTGS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi Thư điện tử).
- i) Khách hàng phải thông báo cho VTGS ngay sau khi (i) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử hay

hệ thống khác thuộc Hệ thống Giao dịch trực tuyến; (ii) bị mất hoặc bị đánh cắp điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc (iii) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi và/hoặc nhận Thư điện tử từ và/hoặc đến Thư điện tử.

- j) Khách hàng phải thông báo ngay cho VTGS khi gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử hay ký kết Hợp đồng điện tử mà không được xác thực theo quy định tại Điều 27.
- k) Khách hàng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho VTGS theo quy định của pháp luật phát sinh từ:
- (i) Hành vi lừa dối của Khách hàng;
 - (ii) Hành vi vi phạm **Phần C** này của Khách hàng;
 - (iii) Hành vi sử dụng sai mục đích Hệ thống Giao dịch trực tuyến; hoặc
 - (iv) Hành vi sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến cho các giao dịch hay hoạt động trái pháp luật.
- l) Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại **Phần C** này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với VTGS và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 29: Công Bố Rủi Ro

Khách hàng đồng ý rằng việc sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến, Số điện thoại và Thư điện tử luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng và Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại phát sinh khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến. Dưới đây là một số rủi ro (Khách hàng đồng ý rằng danh sách này không phải là danh sách đầy đủ các rủi ro ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến):

- 29.1 Rủi Ro Tắc Ngẽn/Gián Đoạn Hệ Thống Mạng: Trong khi truyền tải qua mạng internet, lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu.
- 29.2 Rủi Ro Hệ Thống Bị Tấn Công Trái Phép: Rủi ro này thể hiện thông qua việc thiết bị điện tử của Khách hàng cài đặt Hệ thống Giao dịch trực tuyến, mạng nội bộ của VTGS hoặc mạng kết nối giữa VTGS và Khách hàng và bên thứ ba có liên quan bị nhiễm virus, bị xâm nhập, can thiệp trái phép, bị chiếm quyền điều khiển hay bị tấn công.
- 29.3 Rủi Ro Từ Lỗi Ứng Dụng/Phần Mềm: Rủi ro này tồn tại ở dạng có lỗi xây dựng, thiết kế phần mềm dùng để chạy Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc mạng nội bộ của VTGS hoặc mạng kết nối giữa VTGS và Khách hàng và bên thứ ba có liên quan.
- 29.4 Rủi Ro Con Người: Rủi ro này phát sinh từ việc có sự can thiệp trái phép của người khác đối với thông tin TKCK hoặc truy cập trái phép TKCK.
- 29.5 Rủi ro từ việc nhận dạng Khách hàng có thể không chính xác, lỗi về bảo mật có thể xảy ra.
- 29.6 Giá cả thị trường và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai lệch.
- 29.7 Những rủi ro có thể xảy ra của phương thức xác thực đặt lệnh cho Khách hàng.
- 29.8 Bất cứ giao dịch nào được thực hiện ngoài ý muốn của Khách hàng do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch đã đăng ký với VTGS, do sai sót trong quá trình Khách hàng thao tác với các thiết bị (nhập sai dữ liệu, gõ nhầm ...).
- 29.9 Đường truyền kết nối từ VTGS đến các Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bị đứt kết nối do các nguyên nhân từ phía nhà cung cấp hoặc do Sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

D. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 30: Giải Thích Từ Ngữ

Trong **Phần D** này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 30.1 **Dữ liệu cá nhân**: là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm Dữ liệu cá nhân cơ bản và Dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 30.2 **Dữ liệu cá nhân cơ bản bao gồm**:
- a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
 - b) Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích;
 - c) Giới tính;
 - d) Nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, địa chỉ liên hệ;
 - e) Quốc tịch;
 - f) Hình ảnh của cá nhân;
 - g) Số điện thoại, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số mã số thuế cá nhân;
 - h) Tình trạng hôn nhân;
 - i) Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái);
 - j) Thông tin về tài khoản số của cá nhân; dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng;
 - k) Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể mà không thuộc quy định tại khoản 30.3 Điều này.
- 30.3 **Dữ liệu cá nhân nhạy cảm** là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân gồm:
- a) Thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của cá nhân;
 - b) Dữ liệu về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật;
 - c) Thông tin chủ thể dữ liệu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin định danh chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

- d) Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;
- e) Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định là đặc thù và cần có biện pháp bảo mật cần thiết.

30.4 **Xử lý dữ liệu cá nhân** là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.

30.5 **Chủ thể dữ liệu** là các cá nhân được Dữ liệu cá nhân phản ánh mà dữ liệu cá nhân của họ được chia sẻ cho VTGS, bao gồm và không giới hạn: khách hàng, các cá nhân khác mà VTGS nhận được dữ liệu từ Khách hàng.

30.6 **Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân** là tổ chức, cá nhân quyết định mục đích và phương tiện xử lý dữ liệu cá nhân.

30.7 **Bên Xử lý dữ liệu cá nhân** là tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý dữ liệu thay mặt cho Bên Kiểm soát dữ liệu, thông qua một hợp đồng hoặc thỏa thuận với Bên Kiểm soát dữ liệu.

30.8 **Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân** là tổ chức, cá nhân đồng thời quyết định mục đích, phương tiện và trực tiếp xử lý dữ liệu cá nhân.

30.9 **Bên thứ ba** là tổ chức, cá nhân ngoài VTGS và Chủ thể dữ liệu.

Điều 31: Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Thể Dữ Liệu

31.1 Quyền của chủ thể dữ liệu

- a) Được biết về hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- b) Được đồng ý hoặc không đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- c) Truy cập để xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- d) Rút lại sự đồng ý của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- e) Xóa hoặc yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- f) Yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác; Việc hạn chế xử lý dữ liệu được thực hiện trong 72 giờ sau khi có yêu cầu của chủ thể dữ liệu, với toàn bộ dữ liệu cá nhân mà chủ thể dữ liệu yêu cầu hạn chế, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- g) Yêu cầu VTGS cung cấp cho bản thân dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- h) Phản đối VTGS xử lý dữ liệu cá nhân của mình nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế tiết lộ dữ liệu cá nhân hoặc sử dụng cho mục đích quảng cáo, tiếp thị, trừ trường hợp luật có quy định khác; VTGS thực hiện yêu cầu của chủ thể dữ liệu trong 72 giờ sau khi nhận được yêu cầu, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- i) Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.
- j) Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi xảy ra vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.
- k) Tự bảo vệ theo quy định của Bộ luật Dân sự, hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện các phương thức bảo vệ quyền dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự.

31.2 Nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu

- a) Tự bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình; yêu cầu các tổ chức, cá nhân khác có liên quan bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình.
- b) Tôn trọng, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người khác.
- c) Cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân khi đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân.
- d) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và tham gia phòng, chống các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- e) Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh Dữ liệu cá nhân, Chủ thể dữ liệu và/hoặc bên có liên quan có trách nhiệm liên hệ và thông báo ngay cho VTGS để VTGS thực hiện cập nhật kịp thời những thay đổi, điều chỉnh đó. Chủ thể dữ liệu và/hoặc bên có liên quan sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ đối với việc chậm trễ thông báo này; đồng thời, việc chậm trễ thông báo này sẽ miễn trừ cho VTGS khỏi mọi thiệt hại, rủi ro phát sinh (nếu có).

31.3 Vì mục đích bảo mật, Chủ thể có thể cần phải đưa ra yêu cầu của mình bằng văn bản hoặc sử dụng phương pháp khác để chứng minh và xác thực danh tính của Chủ thể dữ liệu. VTGS có thể yêu cầu Chủ thể dữ liệu xác minh danh tính trước khi xử lý yêu cầu của Chủ thể dữ liệu.

31.4 VTGS bằng sự nỗ lực hợp lý, sẽ thực hiện yêu cầu hợp pháp và hợp lệ từ Chủ thể dữ liệu trong khoảng thời gian luật định kể từ khi nhận được yêu cầu hoàn chỉnh, hợp lệ và phí xử lý liên quan (nếu có) từ Chủ thể dữ liệu, phụ thuộc vào quyền của VTGS khi được viện dẫn đến bất kỳ sự miễn trừ và/hoặc ngoại lệ nào theo quy định pháp luật.

Điều 32: Mục Đích Xử Lý

32.1 VTGS có thể xử lý Dữ liệu cá nhân cho một hoặc nhiều mục đích sau đây:

- a) Xác minh tính chính xác, đầy đủ của các Dữ liệu cá nhân được cung cấp; xác định hoặc xác thực danh tính của Chủ thể dữ liệu và thực hiện quy trình xác thực Chủ thể dữ liệu;
- b) Thẩm định hồ sơ pháp lý, khả năng tài chính và điều kiện đáp ứng của Chủ thể dữ liệu đối với bất kỳ sản phẩm và dịch vụ nào do VTGS đề xuất hoặc cung cấp;
- c) Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ do VTGS triển khai (bao gồm nhưng không giới hạn các sản phẩm mà bên thứ ba phối hợp với VTGS thực hiện theo quy định của pháp luật);
- d) Quảng bá, thông tin về các sản phẩm, dịch vụ, chương trình khuyến mại, nghiên cứu, khảo sát, tin tức, thông tin cập nhật, các sự kiện, cuộc thi có thưởng, trao các phần thưởng có liên quan, các hoạt động truyền thông, giới thiệu có liên quan về các dịch vụ, sản phẩm của VTGS và các dịch vụ của đối tác khác có hợp tác với VTGS;
- e) Liên hệ nhằm trao đổi thông tin, cung cấp các văn bản hoặc các tài liệu khác có liên quan đến giao dịch và việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tại VTGS;

- f) Thông báo các thông tin về nghĩa vụ, quyền lợi, thay đổi các tính năng, cải tiến và nâng cao tiện ích, chất lượng của sản phẩm, dịch vụ;
- g) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động hoặc các loại báo cáo liên quan khác theo quy định pháp luật;
- h) Thực hiện nghiên cứu thị trường, khảo sát và phân tích dữ liệu liên quan đến bất kỳ các sản phẩm, dịch vụ nào do VTGS cung cấp (dù được thực hiện bởi VTGS hay một bên thứ ba khác mà VTGS hợp tác) mà có thể liên quan đến Chủ thể dữ liệu;
- i) Bảo vệ lợi ích hợp pháp của VTGS và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan, bao gồm và không giới hạn việc đề thu các khoản phí, lệ phí và/hoặc đề thu hồi bất kỳ khoản nợ nào, hay xử lý các thủ tục khiếu kiện, khiếu nại hay theo bất kỳ thỏa thuận nào giữa Chủ thể dữ liệu và VTGS;
- j) Đề đáp ứng, tuân thủ các chính sách nội bộ của VTGS, các thủ tục và bất kỳ quy tắc, quy định, hướng dẫn, chỉ thị hoặc yêu cầu được ban hành bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
- k) Đề đánh giá bất kỳ đề xuất nào liên quan đến quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ theo (những) hợp đồng giữa Chủ thể dữ liệu với VTGS;
- l) Cung cấp cho các bên cung cấp dịch vụ/đối tác của VTGS để thực hiện dịch vụ cho Chủ thể dữ liệu và/hoặc VTGS;
- m) Cho bất kỳ mục đích nào khác được yêu cầu hoặc cho phép bởi bất kỳ luật, quy định, hướng dẫn và/hoặc các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- n) Để phục vụ các mục đích khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTGS mà VTGS cho là phù hợp tại từng thời điểm;
- o) Theo bất kỳ cách thức nào khác mà VTGS thông báo cho Chủ thể dữ liệu, vào thời điểm thu thập Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu hoặc trước khi bắt đầu xử lý liên quan hoặc theo yêu cầu khác hoặc được luật hiện hành cho phép;

32.2 VTGS sẽ yêu cầu sự cho phép từ Chủ thể dữ liệu trước khi sử dụng Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cho mục đích khác ngoài các mục đích đã được nêu tại **Phần D**.

Điều 33: Loại Dữ Liệu Cá Nhân Được Thu Thập

VTGS có thể cần phải và/hoặc được yêu cầu phải thu thập Dữ liệu cá nhân, bao gồm: (i) Dữ liệu cá nhân cơ bản và (ii) Dữ liệu cá nhân nhạy cảm có liên quan đến Khách hàng và các cá nhân khác mà VTGS nhận được dữ liệu từ Khách hàng.

Điều 34: Cách Thức Thu Thập Dữ Liệu Cá Nhân

- 34.1 Trực tiếp từ Chủ thể dữ liệu: VTGS thu thập Dữ liệu cá nhân trong quá trình tiếp xúc, làm việc, cung cấp dịch vụ, gặp mặt trực tiếp Chủ thể dữ liệu và được Chủ thể dữ liệu cung cấp thông tin.
- 34.2 Từ các trang tin điện tử của VTGS: VTGS có thể thu thập Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu khi có sự truy cập, khai báo Dữ liệu cá nhân tại bất kỳ trang tin điện tử nào của VTGS.
- 34.3 Từ ứng dụng di động: VTGS có thể thu thập Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu khi có sự tải xuống, sử dụng hoặc khai báo Dữ liệu cá nhân trên ứng dụng dành cho thiết bị di động của VTGS.
- 34.4 Từ các trao đổi, liên lạc với Chủ thể dữ liệu: VTGS có thể thu thập Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu khi phát sinh liên hệ với VTGS, như qua email, gọi qua Tổng đài của VTGS (Call Center), liên lạc điện tử hoặc bất kỳ phương tiện nào khác (bao gồm và không giới hạn cả các cuộc khảo sát, điều tra mà VTGS tiến hành hoặc có được).
- 34.5 Từ các tương tác hoặc các công nghệ thu thập dữ liệu tự động: VTGS có thể thu thập Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu được ghi tự động từ kết nối của Chủ thể dữ liệu hoặc các bên có liên quan như cookies, plug-in, trình tự kết nối mạng xã hội của bên thứ ba hoặc bất kỳ công nghệ nào có khả năng theo dõi, thu nhận Dữ liệu cá nhân trên các thiết bị hoặc trang tin điện tử đó (ví dụ: facebook, youtube, tiktok, instagram...).
- 34.6 Từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: VTGS có thể tiếp nhận Dữ liệu cá nhân từ các cơ quan quản lý như Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, các Sở giao dịch chứng khoán hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác tại Việt Nam.
- 34.7 Các nguồn được công khai: VTGS có thể tiếp nhận Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu từ các nguồn công khai như danh bạ điện thoại, thông tin quảng cáo/tờ rơi, các thông tin được công khai trên mạng...
- 34.8 Từ các nhà cung cấp, bên cung cấp dịch vụ, đối tác, bên liên kết và các bên thứ ba có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTGS;
- 34.9 Từ các bên thứ ba có quan hệ với Chủ thể dữ liệu;
- 34.10 Từ những nguồn khác mà Chủ thể dữ liệu đồng ý việc chia sẻ/cung cấp Dữ liệu cá nhân, hoặc những nguồn mà việc thu thập được pháp luật yêu cầu hoặc cho phép.

Điều 35: Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân Trong Một Số Trường Hợp Đặc Biệt

- 35.1 VTGS sẽ có thể ghi âm, ghi hình và xử lý Dữ liệu cá nhân thu thập được từ camera quan sát tại các khu vực có lắp camera quan sát (bao gồm nhưng không giới hạn bởi khu vực văn phòng, khu vực ở hành lang, khu vực lối ra, ...) phù hợp với các yêu cầu đảm bảo an ninh trong hoạt động của VTGS và cho Chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật.
- 35.2 VTGS luôn tôn trọng và bảo vệ Dữ liệu cá nhân của trẻ em. Ngoài các biện pháp bảo vệ Dữ liệu cá nhân được quy định theo pháp luật, trước khi xử lý Dữ liệu cá nhân của trẻ em, VTGS sẽ thực hiện xác minh tuổi của trẻ em và yêu cầu sự đồng ý của (i) trẻ em và/hoặc (ii) cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật.
- 35.3 Bên cạnh tuân thủ theo các quy định pháp luật có liên quan khác, đối với việc xử lý Dữ liệu cá nhân liên quan đến Dữ liệu cá nhân của người bị tuyên bố mất tích/ người đã chết, VTGS sẽ phải được sự đồng ý của một trong số những người có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 36: Chia Sẻ Dữ Liệu Cá Nhân

- 36.1 VTGS sẽ không bán, trao đổi, cho thuê (có thời hạn hoặc vô thời hạn) các thông tin cá nhân của Chủ thể dữ liệu mà không có sự chấp thuận của Chủ thể dữ liệu theo pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, để thực hiện các mục đích và hoạt động xử lý Dữ liệu cá nhân tại **PHẦN D** này, Chủ thể dữ liệu đồng ý VTGS có thể tiết lộ Dữ liệu cá nhân của mình hoặc Dữ liệu cá nhân của các bên có liên quan, cho một hoặc các bên dưới đây:
 - a) VTGS có thể chia sẻ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu với các nhân viên và bộ phận trong nội bộ VTGS cho các mục đích được nêu trong **Phần D** này và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết giữa Chủ thể dữ liệu và VTGS;

- b) Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc bất kỳ cá nhân, cơ quan quản lý hoặc bên thứ ba mà VTGS được phép hoặc bắt buộc phải tiết lộ theo quy định pháp luật của bất kỳ quốc gia, hoặc theo bất kỳ hợp đồng/thỏa thuận hoặc cam kết nào khác giữa bên thứ ba và VTGS;
 - c) Các đối tác kinh doanh, nhà cung cấp phần thưởng, nhà cung cấp quà tặng, các bên đồng thương hiệu, bên tham gia hoặc phối hợp tổ chức chương trình khuyến mại, nghiên cứu, khảo sát, tin tức, thông tin cập nhật, các sự kiện, cuộc thi có thưởng, trao các phần thưởng có liên quan, bất kỳ tổ chức nào liên quan nhằm mục đích điều hành, triển khai hoạt động kinh doanh của VTGS, bên triển khai vận hành hệ thống, ứng dụng hoặc thiết bị hay cung cấp cho Chủ thể dữ liệu bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào mà Chủ thể dữ liệu lựa chọn hoặc các mục đích được nêu trong **Phần D** này;
 - d) Bất kỳ cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc thực thi hoặc duy trì bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo (các) thỏa thuận giữa Chủ thể dữ liệu với VTGS;
 - e) Các bên thứ ba mà Chủ thể dữ liệu đồng ý hoặc VTGS có cơ sở pháp lý để chia sẻ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu.
- 36.2 VTGS sẽ xem Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu là riêng tư và bảo mật. Ngoài các bên đã nêu ở trên, VTGS sẽ không tiết lộ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cho bất kỳ bên nào khác, trừ các trường hợp:
- a) Khi có sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu;
 - b) Khi VTGS chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo (các) thỏa thuận giữa Chủ thể dữ liệu và VTGS hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 37: Chuyển Giao Dữ Liệu Cá Nhân Ra Nước Ngoài

- 37.1 Nhằm thực hiện mục đích xử lý Dữ liệu cá nhân tại **Phần D** này, VTGS có thể phải cung cấp/chia sẻ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu đến các bên thứ ba liên quan của VTGS và các bên thứ ba này có thể tại Việt Nam hoặc bất cứ địa điểm nào khác nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 37.2 Khi thực hiện việc cung cấp/chia sẻ Dữ liệu cá nhân ra nước ngoài, VTGS sẽ yêu cầu bên tiếp nhận đảm bảo rằng Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu được chuyển giao cho họ sẽ bảo mật và an toàn. VTGS và bên tiếp nhận đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý và quy định liên quan đến việc bảo vệ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu.

Điều 38: Lưu Trữ Dữ Liệu Cá Nhân

- 38.1 Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu do VTGS lưu trữ sẽ được bảo mật. VTGS sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu khi được lưu trữ tại VTGS.
- 38.2 VTGS lưu trữ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu trong khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành các mục đích theo các thỏa thuận, hợp đồng, văn bản mà các bên có liên quan đã ký với VTGS và theo **Phần D** này, trừ khi thời gian lưu trữ Dữ liệu cá nhân lâu hơn nếu được yêu cầu hoặc cho phép bởi Chủ thể dữ liệu và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 39: Hậu Quả, Thiệt Hại Không Mong Muốn Có Khả Năng Xảy Ra

- 38.1 Chủ thể dữ liệu hiểu rằng việc cung cấp và chấp thuận cho VTGS xử lý Dữ liệu cá nhân sẽ luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của hệ thống, đường truyền, sự kiện bất khả kháng, virus, tấn công mạng hoặc lỗi phần cứng, phần mềm, các hành động, thao tác của Chủ thể dữ liệu hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác ảnh hưởng đến việc cung cấp và xử lý Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu... Các rủi ro có thể phát sinh như việc Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu có thể bị lộ hoặc bị đánh cắp bởi một bên khác dẫn đến việc các Dữ liệu cá nhân này có thể được sử dụng vào những mục đích không mong muốn hoặc nằm ngoài tầm kiểm soát của VTGS và Chủ thể dữ liệu gây ra những tổn thất cả về vật chất và tinh thần.
- 38.2 VTGS cố gắng đảm bảo tính bảo mật, an toàn, tuân thủ pháp luật, hạn chế các hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra.
- 38.3 VTGS thực hiện trách nhiệm bảo vệ Dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành với các phương pháp bảo mật tốt nhất theo quy định pháp luật và thường xuyên xem xét, cập nhật các biện pháp quản lý và kỹ thuật khi xử lý Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu (nếu có).

Điều 40: Thời Gian Bắt Đầu, Thời Gian Kết Thúc Xử Lý Dữ Liệu

Chủ thể dữ liệu hiểu và đồng ý rằng, việc Dữ liệu cá nhân của mình được cung cấp cho VTGS (bao gồm và không giới hạn bởi các thông tin VTGS đã có trước, trong và sau khi chấp thuận các **Phần D** này) chính là sự chấp nhận toàn phần của Chủ thể dữ liệu cho phép VTGS sử dụng Dữ liệu cá nhân trong suốt quy trình tiếp nhận và xử lý dữ liệu cá nhân, bắt đầu từ khi VTGS tiếp nhận thông tin cho đến khi có yêu cầu chấm dứt việc xử lý dữ liệu từ Chủ thể dữ liệu hoặc việc chấm dứt xử lý dữ liệu được VTGS thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 41: Thông Tin Liên Hệ Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân

Trường hợp Chủ thể dữ liệu có bất kỳ thắc mắc, câu hỏi nào liên quan đến **Phần D** hoặc các vấn đề liên quan đến quyền của chủ thể dữ liệu hoặc xử lý Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu, Chủ thể dữ liệu vui lòng liên hệ theo thông tin được công bố trên trang thông tin điện tử của VTGS để được giải đáp và hướng dẫn cụ thể.

Điều 42: Điều Khoản Về Đồng Ý Và Chấp Thuận

- 42.1 Khi sử dụng bất kỳ dịch vụ, sản phẩm hoặc truy cập bất kỳ trang tin điện tử, ứng dụng hoặc thiết bị của VTGS hoặc được kết nối đến VTGS, Chủ thể dữ liệu được coi là đã chấp nhận toàn bộ **Phần D** này. Trong trường hợp Chủ thể dữ liệu không chấp nhận **Phần D** này, Chủ thể dữ liệu có quyền chấm dứt việc sử dụng các dịch vụ, sản phẩm hoặc việc truy cập vào các trang tin điện tử, ứng dụng hoặc thiết bị của VTGS hoặc được kết nối đến VTGS.
- 42.2 Trong trường hợp Chủ thể dữ liệu rút lại sự đồng ý của mình, yêu cầu xóa dữ liệu và/hoặc thực hiện các quyền có liên quan khác đối với bất kỳ hoặc tất cả các Dữ liệu cá nhân của mình, VTGS có thể sẽ xem xét và quyết định về việc không tiếp tục thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, giấy đề nghị, đăng ký ... có liên quan đến việc sử dụng Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu do không thể đảm bảo tiêu chuẩn/chất lượng/điều kiện/yêu cầu/thông tin theo đánh giá của VTGS hoặc do quy định của pháp luật cần phải thu thập Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu khi thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, giấy đề nghị, đăng ký ... Trong trường hợp này, VTGS sẽ thông báo đến Chủ thể dữ liệu về quyết định không tiếp tục thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, giấy đề nghị, đăng ký ... có nêu rõ lý do. Mọi thiệt hại phát sinh đối với Chủ thể dữ liệu và VTGS (nếu có) sẽ do Chủ thể dữ liệu hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 42.3 VTGS không thực hiện yêu cầu xóa dữ liệu của Chủ thể dữ liệu nếu việc xóa dữ liệu dẫn đến vi phạm pháp luật.

Điều 43: Sửa Đổi

- 43.1 VTGS có thể sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh các điều khoản của **Phần D** này tùy từng thời điểm và đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. Thông báo về bất kỳ sự sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh nào sẽ được cập nhật, đăng tải trên trang điện tử của VTGS và/hoặc thông báo đến Chủ thể dữ liệu thông qua các phương tiện liên lạc khác mà VTGS cho là phù hợp.
- 43.2 Trong phạm vi được pháp luật hiện hành cho phép, việc Chủ thể dữ liệu/các bên có liên quan tiếp tục sử dụng các dịch vụ, sản phẩm của VTGS hoặc cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho VTGS đồng nghĩa với việc Chủ thể dữ liệu/các bên có liên quan đồng ý với các nội dung cập nhật của **Phần D** này.

E. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ TÀI KHOẢN/TIỂU KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Điều 44: Giải Thích Từ Ngữ

Trong **Phần E** này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 44.1 **Tài khoản/tiểu khoản giao dịch thông thường:** Là tài khoản của khách hàng mở tại VTGS để giao dịch chứng khoán nhưng không sử dụng tiền vay Giao dịch ký quỹ của VTGS.
- 44.2 **Tài khoản/tiểu khoản giao dịch ký quỹ (TKGDKQ):** Là tài khoản được VTGS mở cho Khách hàng khi Khách hàng đăng ký mở TKCK và sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ (hoặc đăng ký mở TKGDKQ sau đó).
- 44.3 **Giao dịch ký quỹ (GDKQ):** Là giao dịch mua chứng khoán có sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán, trong đó chứng khoán vừa mua và các chứng khoán được phép ký quỹ khác của Khách hàng được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên.
- 44.4 **Chứng khoán được phép GDKQ:** Là chứng khoán thuộc Danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, đáp ứng các điều kiện quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và quy định của VTGS trong từng thời kỳ.
- 44.5 **Dư nợ ký quỹ:** Là tổng số tiền Khách hàng nợ VTGS khi sử dụng dịch vụ GDKQ.
- 44.6 **Tiền bán chứng khoán:** Là số tiền bán chứng khoán trên TKGDKQ sẽ được nhận về tại ngày thanh toán sau khi đã trừ các khoản phí, thuế giao dịch có liên quan.
- 44.7 **Tài sản bảo đảm (TSBD):** Là toàn bộ chứng khoán được mua từ tiền vay của VTGS và các chứng khoán khác của Khách hàng, bao gồm và không giới hạn toàn bộ tài sản (hiện có và hình thành trong tương lai) trong **TKGDKQ** của Khách hàng như tiền mặt, tiền bán chứng khoán, chứng khoán hiện có và đang chờ về, cổ tức đang chờ về, quyền mua cổ phiếu/trái phiếu.
- 44.8 **Giá trị của chứng khoán được phép ký quỹ:** được tính theo giá tham chiếu/giá đóng cửa/hoặc giá điều chỉnh do phát sinh quyền (nếu có) tại ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán đó nhưng không vượt quá mức giá tối đa do VTGS thông báo/quy định tùy từng thời điểm (nếu có).
- 44.9 **Tổng tài sản Giao dịch ký quỹ trên TKGDKQ** bao gồm tiền, tiền bán chứng khoán chờ về cộng với giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ (tính theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ) trên **TKGDKQ** của Khách hàng.
- 44.10 **Tài sản thực có** của Khách hàng trên **TKGDKQ** bằng **Tổng tài sản Giao dịch ký quỹ trên TKGDKQ** trừ đi **Dư nợ ký quỹ**.
- 44.11 **Tỉ lệ ký quỹ ban đầu:** Là tỉ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh GDKQ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch. Tỉ lệ ký quỹ ban đầu do VTGS quyết định trong từng thời điểm.
- 44.12 **Tỉ lệ ký quỹ hiện tại (“ R_t ”):** Là tỉ lệ giữa giá trị **Tài sản quy đổi** so với giá trị **Dư nợ quy đổi** tại thời điểm hiện tại.

Trong đó:

Tài sản quy đổi: = Giá trị của chứng khoán được phép ký quỹ x (nhân) Tỉ lệ tính tài sản theo mã chứng khoán + Giá trị tài sản khác (được VTGS chấp nhận trong từng trường hợp).

Dư nợ quy đổi: = Dư nợ ký quỹ - Tiền mặt (nếu có) – Tiền bán chờ về có thể ứng (nếu có).

VTGS được quyền thay đổi công thức tính **Tài sản quy đổi** và **Dư nợ quy đổi** phù hợp với chính sách của VTGS trong từng thời kỳ.

- 44.13 **Tỉ lệ ký quỹ duy trì (“ R_{call} ”):** R_{call} do VTGS quyết định trong từng thời kỳ. Khi R_t giảm xuống dưới tỉ lệ này, VTGS phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung, tỉ lệ R_t .
- 44.14 **Tỉ lệ ký quỹ xử lý (“ R_{force} ”):** R_{force} do VTGS quyết định trong từng thời kỳ. Khi R_t giảm xuống thấp hơn R_{force} , VTGS được toàn quyền bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trên TKGDKQ của khách hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ **Dư nợ ký quỹ** của khách hàng để bảo đảm R_t lớn hơn hoặc bằng R_{call} mà không cần có sự chấp thuận của khách hàng, tỉ lệ R_t .
- 44.15 **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung** là lệnh gọi yêu cầu bổ sung tài sản của VTGS vào bất kỳ thời điểm nào khi tỉ lệ ký quỹ hiện tại của Khách hàng giảm xuống dưới tỉ lệ ký quỹ duy trì, Khách hàng phải ký quỹ thêm tiền hoặc bán bớt chứng khoán hoặc bổ sung chứng khoán trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ để đảm bảo khi tỉ lệ ký quỹ hiện tại lớn hơn bằng tỉ lệ ký quỹ duy trì theo quy định của VTGS.
- 44.16 **Lãi vay:** Là số tiền lãi được cộng dồn theo ngày tính trên tổng số tiền Khách hàng đã vay VTGS.
- 44.17 **Giá chặn trần:** Là mức giá do VTGS quy định và được dùng làm cơ sở xác định mức giá cao nhất để tính Giá trị chứng khoán được phép ký quỹ và các chi số khác.
- 44.18 **Hạn mức cho vay:** Là tổng giá trị tối đa bằng tiền mà VTGS có thể cho vay GDKQ áp dụng cho một Khách hàng do VTGS quy định trong từng thời kỳ.
- 44.19 **Sức mua:** là giá trị tối đa mà Khách hàng có thể đặt mua trên TKGDKQ do VTGS tính toán và xác định.
- 44.20 **Ngày giải ngân:** Là ngày VTGS chuyển tiền vay vào TKGDKQ của Khách hàng.
- 44.21 **Ngày vay thực tế:** Là số ngày được tính từ ngày giải ngân cho đến nhưng không bao gồm ngày Khách hàng trả nợ cho VTGS.
- 44.22 **Ngày quá hạn:** Là số ngày vượt quá thời hạn cho vay.

Điều 45: Điều Kiện Cho Vay

Khách hàng được hiện giao dịch ký quỹ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- 45.1 Khách hàng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về GQKQ, đáp ứng các quy định về TSBD, Giá trị tài sản ròng tối thiểu trên TKGDKQ, Tỉ lệ ký quỹ ban đầu của VTGS. VTGS có thể thay đổi các quy định này trong từng thời kỳ/thời điểm;
- 45.2 Số tiền cho vay nằm trong Hạn mức cho vay GDKQ;

- 45.3 Trong bất kỳ trường hợp nào xét thấy có rủi ro, VTGS có quyền từ chối thực hiện các lệnh mua chứng khoán ký quỹ của Khách hàng;
- 45.4 Khách hàng phải duy trì đúng/đầy đủ các Tỉ lệ/Giá trị của TKGDQ theo quy định của **Phần E** này. Cách tính Tỉ lệ ký quỹ hiện tại, các quy định về Tỉ lệ ký quỹ duy trì, Tỉ lệ ký quỹ xử lý có thể thay đổi theo quyết định của VTGS từng thời kỳ;
- 45.5 Chứng khoán Khách hàng mua nằm trong Danh sách chứng khoán được phép GDKQ do VTGS quy định. Danh sách này có thể thay đổi theo từng thời điểm theo quyết định đơn phương của VTGS;
- 45.6 Các điều kiện khác theo quy định tại **Phần E** này, các văn bản pháp luật liên quan và các thông báo của VTGS.

Điều 46: Tài Khoản/Tiểu Khoản Giao Dịch Ký Quỹ Và Quy Định Cho Vay GDKQ

46.1 Nguyên tắc cho vay:

- Trước khi thực hiện giao dịch ký quỹ, Khách hàng phải có tài sản bảo đảm tỉ lệ ký quỹ theo quy định; và
- Các khoản vay sẽ được dùng để thanh toán cho các giao dịch mua chứng khoán mà khách hàng đã thực hiện.

46.2 Mục đích sử dụng tiền vay và thời hạn cho vay

- Mục đích sử dụng tiền vay:** Khách hàng chỉ được phép sử dụng các khoản tiền vay cho GDKQ từ VTGS để mua chứng khoán trên TKGDQ và những trường hợp được VTGS chấp thuận.
- Thời hạn cho vay:**
 - Thời hạn của các khoản vay được quy định theo chính sách của VTGS trong từng thời kỳ;
 - Nếu ngày đến hạn của khoản vay rơi vào ngày nghỉ thì ngày đến hạn sẽ chuyển về ngày giao dịch liền trước;
 - VTGS có thể xem xét yêu cầu gia hạn thời hạn cho vay trên cơ sở văn bản đề nghị của Khách hàng hoặc qua phương thức giao dịch điện tử. Khách hàng phải chịu lãi suất gia hạn, phí gia hạn ... tùy theo chính sách của VTGS từng thời kỳ;
 - VTGS có thể xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn thời gian cho vay theo đề nghị của Khách hàng dựa trên nguồn vốn hiện có của VTGS và/hoặc khả năng thu hồi nợ của Khách hàng. Thời gian gia hạn (nếu có) sẽ theo quy định của VTGS trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Nếu VTGS chấp thuận cho Khách hàng gia hạn, VTGS sẽ toàn quyền chủ động quyết định số lần gia hạn, thời gian mỗi lần gia hạn cũng như mức lãi suất cho vay gia hạn, cách thức tính lãi suất cho vay gia hạn; và các quy định khác có liên quan đến việc gia hạn cho vay để Khách hàng được giao dịch trên tài khoản ký quỹ phù hợp với chính sách của VTGS. Nếu VTGS chủ động thay đổi thời hạn gia hạn dẫn tới việc Khách hàng phải hoàn trả tiền vay và lãi vay cho VTGS trước hạn, VTGS có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng trước ít nhất 03 (ba) ngày giao dịch bằng một trong các hình thức Thông tin liên lạc được quy định tại Hợp đồng mở TKCK;
 - Nếu VTGS không chấp thuận cho Khách hàng gia hạn thì Khách hàng phải thực hiện bán chứng khoán trên TKGDQ hoặc Khách hàng phải chuyển tiền vào TKGDQ để VTGS thu hồi nợ. Ngay sau ngày hết hạn cho vay mà Khách hàng chưa nộp tiền và/hoặc bán chứng khoán hoặc nộp tiền/hoặc bán chứng khoán chưa đủ để trả toàn khoản vay thì VTGS có quyền nhưng không phải nghĩa vụ chủ động thu hồi nợ theo quy định tại **Điều 48**.

46.3 Giới hạn cho vay và miễn trách nhiệm của VTGS:

- Hạn mức cho vay GDKQ đối với Khách hàng có thể được VTGS thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo trước với Khách hàng. Trong thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay GDKQ, Khách hàng và VTGS đồng ý rằng:
 - Khách hàng có thể được giải ngân nhiều lần nhưng tổng Dư nợ vay GDKQ tại bất kỳ thời điểm nào cũng không vượt quá giá trị Hạn mức cho vay GDKQ;
 - Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ đối với tất cả các Khách hàng sử dụng hình thức GDKQ theo cách thức tương tự như hợp đồng này có thể được VTGS thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo đến Khách hàng;
 - Vì bất cứ lý do gì, nếu Khách hàng có Dư nợ vay GDKQ vượt Hạn mức cho vay GDKQ theo quy định (tỉ lệ cho vay đối với từng mã chứng khoán, giới hạn số lượng chứng khoán cho vay,...), Khách hàng phải thanh toán ngay phần chênh lệch ngay trong ngày hoặc Khách hàng phải đề nghị VTGS tăng hạn mức cho vay GDKQ để phù hợp với tình trạng số dư và nếu được VTGS đồng ý, VTGS và Khách hàng sẽ ký các văn bản cần thiết để xác nhận việc điều chỉnh. Trong mọi trường hợp, Khách hàng đương nhiên nhận nợ toàn bộ các khoản VTGS đã giải ngân, kể cả phần vượt đó (nếu có).
- Khách hàng không tiếp tục được vay GDKQ để mua chứng khoán khi đã đạt Hạn mức cho vay GDKQ hoặc khi Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ của VTGS đã được sử dụng hết (mà không bắt buộc phải thông báo đến Khách hàng trước). Trong các trường hợp nêu tại khoản 46.3 Điều này, VTGS được miễn mọi trách nhiệm đối với Khách hàng.

46.4 Phương thức giải ngân:

Khi Khách hàng có lệnh mua chứng khoán được khớp nhưng không đủ số dư tiền trên TKGDQ để thanh toán lệnh mua thì Khách hàng mặc nhiên đề nghị VTGS giải ngân khoản tiền cho vay GDKQ theo nguyên tắc dưới đây:

- Căn cứ yêu cầu mua chứng khoán của Khách hàng trong lệnh mua tương ứng và/hoặc các trường hợp khác được VTGS chấp thuận giao dịch thành công, VTGS tự động chuyển tiền giải ngân vào TKGDQ được thể hiện bằng số dư tăng thêm của Dư nợ vay GDKQ trên TKGDQ, đồng thời là bằng chứng cho việc VTGS đã giải ngân để thanh toán theo yêu cầu của Khách hàng;
- Khách hàng mặc nhiên chấp nhận và nhận nợ toàn bộ các khoản tiền cho vay GDKQ được giải ngân theo quy định trên đây và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán hoàn trả cho VTGS toàn bộ số tiền VTGS đã giải ngân cho vay GDKQ. Khoản nợ gốc của Khách hàng đối với VTGS được thể hiện bằng số Dư nợ vay GDKQ trên TKGDQ;
- Khách hàng tại đây ủy quyền cho VTGS lập văn bản xác nhận đối với các khoản Dư nợ vay GDKQ đã giải ngân của Khách hàng và được lưu trong hồ sơ giao dịch của Khách hàng. Khách hàng đương nhiên ghi nhận nghĩa vụ hoàn trả đối với Dư nợ vay GDKQ ghi trên văn bản do VTGS lập mà không cần có thêm bất cứ văn bản nào về việc xác nhận của Khách hàng.

Khách hàng tại đây cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với VTGS về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.

Điều 47: Dư Nợ Cho Vay Và Lãi Suất Cho Vay

47.1 **Dư nợ cho vay:**

Dư nợ vay GDKQ được tính hàng ngày và là tổng số tiền thực tế VTGS đã giải ngân cho Khách hàng trên TKGDKQ lũy kế đến cuối ngày đó (mà chưa được Khách hàng hoàn trả cho VTGS).

47.2 **Lãi suất cho vay:**

- Lãi suất cho vay GDKQ được xác định bằng tỉ lệ phần trăm theo ngày, hoặc theo năm (trên cơ sở 365 ngày/năm) được áp dụng từng thời kỳ do VTGS quy định. Khi có thay đổi Lãi suất cho vay, VTGS sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của VTGS và/hoặc thông báo tới Khách hàng bằng một trong các hình thức Thông tin liên lạc được quy định tại Hợp đồng mở TKCK;
- Trường hợp lãi suất cho vay thay đổi thì mức lãi suất mới sẽ được tính trên tổng dư nợ của Khách hàng tại thời điểm VTGS công bố thay đổi hoặc tính trên dư nợ phát sinh từ thời điểm VTGS công bố thay đổi tùy theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ;
- Trong trường hợp Khách hàng không trả, trả không đầy đủ, trả không đúng hạn số tiền lãi của khoản nợ gốc trong hạn và số tiền lãi của khoản nợ gốc quá hạn thì số tiền lãi này sẽ bị tính lãi với mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành. Việc tính lãi này sẽ do VTGS quy định;
- Tiền lãi vay được tính được tính như sau:

$$\text{Lãi vay} = \text{Dư nợ vay GDKQ} * \text{lãi suất} * \text{số ngày vay thực tế} / 365 \text{ ngày}$$

- Tổng tiền lãi cho vay GDKQ: Là tổng số Tiền lãi áp dụng cho toàn bộ các khoản cho vay GDKQ từ ngày giải ngân tính đến ngày hoàn trả thực tế. Khách hàng đồng ý để VTGS được tính toán Tổng tiền lãi cho vay GDKQ và đương nhiên công nhận số liệu do VTGS cung cấp;
- Cách tính Tiền lãi, Lãi suất cho vay GDKQ có thể thay đổi theo quyết định của VTGS mà không phải thông báo cho Khách hàng. Khách hàng đồng ý rằng, bất kể kết quả giao dịch trên TKGDKQ như thế nào (lãi/lỗ), Khách hàng sẽ hoàn trả đủ các khoản vay GDKQ và thanh toán đủ cho VTGS Tổng lãi cho vay GDKQ nêu trên;
- VTGS sẽ áp dụng lãi suất vay quá hạn theo thông báo tại từng thời kỳ;
- Lãi vay quá hạn được tính như sau:

$$\text{Lãi vay quá hạn} = \text{Dư nợ vay GDKQ} * \text{lãi suất vay quá hạn} * \text{số ngày quá hạn} / 365 \text{ ngày}$$

Điều 48: Thu Hồi Nợ Gốc Cho Vay Và Lãi Vay

Nguyên tắc thu hồi nợ gốc và lãi vay có thể thay đổi theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ và mặc nhiên có hiệu lực đối với toàn bộ dư nợ của Khách hàng tại thời điểm thay đổi.

48.1 **Thu hồi nợ gốc cho vay**

- Thu hồi nợ gốc cho vay trong hạn:
 - Dư nợ vay GDKQ gốc được thu ngay khi TKGDKQ nhận được tiền do Khách hàng nộp/chuyển vào và/hoặc tiền bán chứng khoán đến hạn nhận về (đã trừ phí giao dịch + thuế, nếu có), cổ tức/trái tức/trái phiếu đáo hạn bằng tiền đến hạn nhận về;
 - VTGS tự động lập bút toán trích thu Dư nợ vay GDKQ từ TKGDKQ và ghi giảm Dư nợ vay GDKQ với giá trị tương ứng với phần đã thu. Nếu Dư nợ vay GDKQ đã được thu hồi đủ, phần còn lại được ghi tăng vào Tiền mặt trên TKGDKQ.
- Thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn:

VTGS có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt việc cho vay GDKQ, thu hồi nợ trước hạn (bao gồm: Dư nợ vay GDKQ, toàn bộ Tiền lãi vay, phí chưa thanh toán, các nghĩa vụ khác của Khách hàng với VTGS) cũng như chấm dứt Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQ với Khách hàng trong các trường hợp sau:

- Khách hàng có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của VTGS là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của Khách hàng; Khách hàng bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự. Đối với Khách hàng là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, cổ phần hóa hoặc thay đổi chủ sở hữu...; người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Khách hàng bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự;
- Khách hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của **Phần E** này và/hoặc cam kết đã ký với VTGS;
- Khách hàng không đồng ý thay đổi: Lãi suất vay GDKQ, phí, các tỉ lệ liên quan đến TKGDKQ...do VTGS đưa ra;
- Khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện mở TKCK và TKGDKQ;
- Khách hàng là cá nhân chết mà không có người thừa kế được VTGS chấp thuận;
- VTGS quyết định ngừng cho vay GDKQ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do thay đổi chiến lược kinh doanh hay do bất kỳ nguyên nhân nào khác; các trường hợp khác mà VTGS xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho VTGS.

Việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: phí giao dịch/các khoản phải trả khác của Khách hàng (nếu có), chi phí xử lý tài sản bảo đảm, Tiền lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, Tiền lãi trong hạn, nợ gốc trong hạn. VTGS có quyền đơn phương thay đổi thứ tự ưu tiên thu hồi nợ này mà không cần thông báo Khách hàng.

48.2 **Thu Tiền Lãi Vay:**

- Tiền lãi vay được tính, cộng dồn hàng ngày (được tạm phong tỏa khi kết thúc giao dịch và được tạm cộng vào Dư nợ ký quỹ để tính toán các tỉ lệ yêu cầu trên TKGDKQ);
- VTGS tự động trích thu hồi tiền lãi từ khoản Tiền mặt trên TKGDKQ đến khi thu hồi đủ Tiền lãi phát sinh và ghi giảm Tiền mặt tương ứng với phần Tiền lãi đã thu.

48.3 **Chuyển nợ quá hạn**

- Các trường hợp chuyển sang nợ quá hạn: toàn bộ khoản nợ gốc và lãi vay không thanh toán đầy đủ đúng hạn sẽ được tự động chuyển sang nợ quá hạn khi Khách hàng:
 - Không được VTGS chấp nhận gia hạn khoản vay; hoặc
 - Không thanh toán đầy đủ bất kỳ khoản nợ gốc và lãi vay theo đúng thời hạn quy định tại Phần E này; hoặc
 - Không thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi vay của bất kỳ khoản vay nào theo đúng thời hạn được VTGS thông báo khi được yêu

cầu trả nợ gốc và lãi vay trước hạn;

- (iv) Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của VTGS.
- b) Toàn bộ các nợ gốc và lãi vay khi bị chuyển nợ quá hạn sẽ bị áp dụng lãi suất quá hạn và đồng thời bị xử lý TSBĐ theo quy định tại Điều 50;
- c) Thời điểm chuyển sang nợ quá hạn là tại ngày đến hạn khoản vay hoặc tại ngày được quy định thuộc một trong các trường hợp tại điểm a khoản 48.3 Điều này.

Điều 49: Tài sản Bảo đảm Khoản Vay GDKQ

49.1 Nghĩa vụ được bảo đảm và TSBĐ:

Để thực hiện đúng các nghĩa vụ được bảo đảm, Khách hàng tự nguyện sử dụng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để làm TSBĐ cho VTGS với các nội dung sau:

- a) Nghĩa vụ được bảo đảm: Là nghĩa vụ trả nợ GDKQ của Khách hàng cho VTGS (bao gồm: Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, phạt bồi thường thiệt hại và các chi phí khác cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán khác của Khách hàng phát sinh khi Khách hàng thực hiện GDKQ kể cả trong trường hợp **Phần E** này bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu);
- b) Giá trị TSBĐ: VTGS có quyền tính toán, đánh giá và xác định giá trị TSBĐ của Khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào theo giá trị thị trường hoặc theo mức giá do VTGS xác định. Khách hàng đồng ý việc đánh giá lại TSBĐ này của VTGS và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào đối với VTGS;
- c) Ngoài các TSBĐ nêu trên, Khách hàng đồng ý dùng toàn bộ số tiền, chứng khoán của mình và các tài sản hợp pháp khác tại VTGS làm TSBĐ cho nghĩa vụ với VTGS. Tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, các tài sản này sẽ không được tính vào các tỉ lệ trên TKGDKQ (trừ trường hợp VTGS có quy định khác) và giá trị bổ sung (mà chỉ để xử lý khi phát sinh các sự kiện xử lý TSBĐ theo **Phần E** này);
- d) Việc sử dụng tài sản của bên thứ ba hoặc các tài sản khác (ngoài tiền và chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng) để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng được thực hiện theo quy định từng thời kỳ của VTGS phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

49.2 Thời hạn bảo đảm:

Kể từ ngày ký kết sử dụng dịch vụ cho đến khi Khách hàng thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, phạt và các nghĩa vụ khác (nếu có) phát sinh và/hoặc liên quan đến Tài khoản GDKQ, TKCK của Khách hàng đối với VTGS và/hoặc bên thứ ba (nếu có).

49.3 Sử dụng và xử lý TSBĐ:

- a) TSBĐ được VTGS sử dụng, xử lý để thanh toán các khoản nợ mà Khách hàng phải trả cho VTGS gồm Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSBĐ (nếu có), tiền phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ khác của Khách hàng;
- b) Trong thời hạn bảo đảm khoản vay, Khách hàng có thể bán một phần hoặc toàn bộ TSBĐ để rút tiền hoặc mua chứng khoán khác trong danh mục ký quỹ do VTGS công bố theo từng thời kỳ;
- c) Khách hàng được quyền rút/chuyển khoản tiền và chứng khoán khi Khách hàng đã thực hiện toàn bộ và đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác (nếu có). Các trường hợp khác (nếu có) phải tuân thủ theo quy định của VTGS.

49.4 Nguyên tắc xử lý TSBĐ:

- a) Các trường hợp xử lý:
 - (i) Xử lý TSBĐ khi Khách hàng vi phạm các tỉ lệ yêu cầu trên TKGDKQ;
 - (ii) Xử lý TSBĐ khi VTGS thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn;
 - (iii) Xử lý TSBĐ khi Khách hàng không thanh toán nợ đúng hạn;
 - (iv) Xử lý TSBĐ để thực hiện các nghĩa vụ khác của Khách hàng với VTGS; hoặc
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Thực hiện xử lý:

Ngay khi phát sinh các trường hợp được quy định tại **điểm a khoản 49.4 Điều này**, Khách hàng chấp nhận vô điều kiện và cam kết không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại hay khiếu kiện nào đối với việc xử lý TSBĐ của VTGS như sau:

- (i) TSBĐ sẽ bị xử lý để thu hồi nợ, thực hiện các nghĩa vụ được bảo đảm tại bất cứ thời điểm nào trong giờ giao dịch do VTGS quyết định mà không cần phải có sự chấp thuận của Khách hàng;
- (ii) Thu số dư tiền khả dụng đang có trên TKGDKQ, và/hoặc tự động bán thanh lý một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của bất kỳ loại chứng khoán nào có trên TKGDKQ mà không cần có sự chấp thuận của Khách hàng để thu hồi nợ. Mã chứng khoán, giá bán, số lượng và thời điểm bán do VTGS quyết định. Chứng từ liên quan đến việc bán chứng khoán trên TKGDKQ sẽ đương nhiên có giá trị pháp lý mà không cần có xác nhận của Khách hàng;
- (iii) Nếu VTGS bán giải chấp chứng khoán trên TKGDKQ, Khách hàng mặc nhiên ủy quyền cho VTGS thực hiện ứng trước khoản tiền bán chứng khoán ngay trong ngày giao dịch để trả nợ vay cho VTGS, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận và đồng ý thanh toán khoản phí ứng trước và các khoản thuế, phí liên quan khác theo quy định cho VTGS;
- (iv) Khách hàng đồng ý rằng nếu bán hết chứng khoán trên TKGDKQ mà vẫn không đủ để trả hết các khoản nợ gốc, lãi vay và các trách nhiệm, nghĩa vụ nợ khác của Khách hàng phát sinh trên TKGDKQ và/hoặc TKGDKQ không có chứng khoán được phép giao dịch, bị mất thanh khoản không bán được (hoặc bán được với số lượng ít theo đánh giá của VTGS) thì VTGS được toàn quyền khấu trừ các khoản tiền/bán bất kỳ loại chứng khoán nào trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng để thu hồi nợ.

49.5 Các Quy Định Khác:

- a) Sau khi xử lý toàn bộ TSBĐ của Khách hàng mà VTGS vẫn không thu hồi đủ Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, chi phí và các nghĩa vụ khác (nếu có) của Khách hàng, các khoản phạt ... thì Khách hàng đương nhiên tiếp tục nhận nợ phần nghĩa vụ chưa được thu hồi đủ với VTGS (VTGS có quyền yêu cầu Khách hàng thanh toán ngay lập tức). Khách hàng chịu trách nhiệm dùng toàn bộ tài sản và các nguồn thu nhập của mình để thực hiện nghĩa vụ tiếp tục trả nợ số vay cho VTGS. VTGS được toàn quyền xử lý các tài sản khác của Khách hàng để thu hồi phần nghĩa vụ chưa thu hồi đủ này;
- b) Trường hợp VTGS xử lý tài sản trên TKCK, số tiền thu được không đủ để Khách hàng trả hết toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi vay và nghĩa vụ tài chính khác của Khách hàng thì VTGS được quyền nhưng không phải nghĩa vụ thực hiện bán chứng khoán, trích tiền trên **Tài khoản/Tiểu khoản giao dịch thông thường và/hoặc Tài khoản/Tiểu khoản giao dịch khác** của Khách hàng để thu hồi đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của Pháp luật;
- c) Trường hợp VTGS xử lý tài sản trên **Tài khoản/Tiểu khoản giao dịch thông thường và/hoặc Tài khoản/Tiểu khoản giao dịch khác**, VTGS được toàn quyền chuyển khoản tiền thu được vào TKGDQ để thu nợ và thay mặt Khách hàng lập tất cả các chứng từ có liên quan.

Điều 50: Xử Lý Vi Phạm Tỷ lệ Và Vi Phạm Thời Hạn Khoản Vay Trên TKGDQ

50.1 Xử lý vi phạm tỷ lệ ký quỹ duy trì:

- a) Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại (**R_{tt}**) trên TKGDQ thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì (**R_{call}**), VTGS ngay lập tức gửi **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung** đến Khách hàng;
- b) Trong thời hạn bổ sung TSBĐ theo quy định tại **Điều này**, Khách hàng phải bổ sung TSBĐ và/hoặc giảm Dư nợ vay GDKQ để đưa (**R_{tt}**) trên TKGDQ cao hơn hoặc bằng (**R_{call}**);
- c) Quá thời hạn bổ sung TSBĐ mà Khách hàng không thực hiện bổ sung TSBĐ vào TKGDQ, đồng thời (**R_{tt}**) của TKGDQ trong thời hạn bổ sung TSBĐ này liên tục thấp hơn (**R_{call}**), VTGS sẽ được toàn quyền thực hiện bán TSBĐ của Khách hàng (cả trên TKCK và TKGDQ) để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ vay GDKQ để đưa (**R_{tt}**) cao hơn hoặc bằng (**R_{call}**) theo nguyên tắc xử lý TSBĐ được quy định tại **Điều 49** mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng. Việc xử lý đến tỷ lệ cụ thể nào là do VTGS được toàn quyền quyết định và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc xử lý này.

50.2 Xử lý vi phạm tỷ lệ ký quỹ xử lý:

Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại (**R_{tt}**) trên TKGDQ tại bất kỳ thời điểm nào nhỏ hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý (**R_{force}**), ngay lập tức VTGS được toàn quyền bán TSBĐ của Khách hàng (cả trên TKCK và TKGDQ) để thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền để đưa (**R_{tt}**) lớn hơn hoặc bằng (**R_{call}**) theo nguyên tắc xử lý TSBĐ theo quy định tại **Điều 49** mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng. Việc xử lý đến tỷ lệ cụ thể nào là do VTGS được toàn quyền quyết định và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc xử lý này;

50.3 Xử lý vi phạm thời hạn khoản vay:

Khi hết thời hạn của khoản vay và VTGS không chấp nhận yêu cầu gia hạn của vay của Khách hàng mà Khách hàng không thực hiện đúng/đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay đúng thời hạn được quy định tại Hợp đồng này (bao gồm: trả nợ gốc, lãi vay, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác (nếu có)) thì VTGS có quyền nhưng không phải nghĩa vụ VTGS được toàn quyền bán TSBĐ của Khách hàng trên **TKGDQ và/hoặc Tài khoản/Tiểu khoản giao dịch thông thường và/hoặc Tài khoản/Tiểu khoản giao dịch khác** để thu hồi một phần hoặc toàn bộ **Dư nợ ký quỹ** theo nguyên tắc xử lý TSBĐ theo quy định tại **Điều 49** mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc xử lý này;

50.4 Thời hạn Khách hàng phải bổ sung là ba (03) ngày giao dịch kể từ ngày VTGS gửi **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung**. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, nếu trong thời hạn yêu cầu bổ sung TSBĐ này mà Tỷ lệ ký quỹ hiện tại (**R_{tt}**) trên TKGDQ thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý (**R_{force}**), VTGS có toàn quyền xử lý TSBĐ ngay lập tức theo cách thức quy định tại **Điều 49** mà không cần chờ đến hết thời hạn bổ sung TSBĐ được nêu tại khoản này;

50.5 Thời hạn phải hoàn trả khoản nợ gốc, lãi vay là tại ngày đến hạn của khoản vay. Quá thời hạn này, VTGS có toàn quyền xử lý TSBĐ ngay lập tức theo cách thức quy định tại **Điều 49**;

50.6 Đối với trường hợp Khách hàng phải bổ sung TSBĐ do mã chứng khoán bị đưa ra khỏi Danh sách chứng khoán được phép GDKQ thì thời hạn bổ sung tài sản của Khách hàng được quy định như sau:

- a) Ba (03) ngày giao dịch kể từ ngày VTGS gửi **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung** tới Khách hàng nếu Tỷ lệ ký quỹ duy trì > Tỷ lệ ký quỹ hiện tại > Tỷ lệ ký quỹ xử lý (trừ trường hợp có quy định khác của VTGS); và
- b) Một (01) ngày giao dịch kể từ ngày VTGS gửi **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung** tới Khách hàng nếu Tỷ lệ ký quỹ hiện tại < Tỷ lệ ký quỹ xử lý.

50.7 Khách hàng có thể thực hiện bổ sung TSBĐ theo các cách sau: (i) Nộp/chuyển tiền vào TKGDQ với số tiền không thấp hơn Giá trị tài sản tối thiểu cần bổ sung và/hoặc tổng số tiền nợ gốc, lãi vay của món nợ đến hạn/quá hạn; (ii) Bán chứng khoán trong TKGDQ với giá trị chứng khoán bán (đã trừ phí giao dịch và thuế liên quan) để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì và/hoặc đủ hoàn trả tổng số tiền nợ gốc, lãi vay của món nợ đến hạn/quá hạn; (iii) Chuyển chứng khoán được phép GDKQ từ TKCK của Khách hàng sang TKGDQ với tổng giá trị tính theo giá thị trường không thấp hơn Giá trị tài sản tối thiểu cần bổ sung; (iv) Chuyển chứng khoán được chấp nhận làm tài sản thế chấp từ TKCK của Khách hàng sang TKGDQ với tổng giá trị được VTGS chấp nhận không nhỏ hơn Giá trị tài sản tối thiểu cần bổ sung;

50.8 Đồng thời thực hiện các cách nêu tại khoản 50.7 Điều này với tổng giá trị tiền, chứng khoán bán (đã trừ phí giao dịch và thuế liên quan), giá trị thị trường của chứng khoán được phép GDKQ, giá trị chứng khoán được chấp nhận làm tài sản thế chấp sao cho TKGDQ đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ hiện tại lớn hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì và/hoặc đảm bảo hoàn trả đầy đủ nợ gốc, lãi vay của khoản nợ đến hạn/quá hạn;

50.9 **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung và thông báo hoàn trả khoản vay đến hạn/quá hạn** sẽ được thông báo đến khách hàng bằng một trong các cách thức quy định tại **Điều 8** Hợp đồng này.

Điều 51: Quyền, Nghĩa Vụ Và Cam Kết Của Khách Hàng

51.1 Quyền lợi của Khách hàng:

- a) Gửi yêu cầu sử dụng dịch vụ cho vay GDKQ theo đúng các nội dung quy định trong **Phần E** này;
- b) Chấm dứt **Phần E** này trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản dư nợ, phí, chi phí liên quan và hoàn thành nghĩa vụ tài

chính khác cho VTGS;

- c) Gửi yêu cầu chấm dứt sử dụng TKGDQK bằng văn bản đề nghị hủy/chấm dứt sử dụng dịch vụ. Việc sử dụng dịch vụ TKGDQK của Khách hàng sẽ chấm dứt kể từ ngày VTGS chấp nhận văn bản đề nghị hủy/chấm dứt này;
- d) Thực hiện các quyền hợp pháp theo quy định của Pháp luật.

51.2 Nghĩa vụ của Khách hàng:

- a) Cung cấp đầy đủ, trung thực và cập nhật thay đổi nếu có liên quan đến các thông tin, tài liệu để mở, quản lý TKGDQK, GDKQ, vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp VTGS phải xử lý TSBĐ theo quy định tại **Phần E** này;
- b) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản tiền vay được VTGS tự động giải ngân trên TKGDQK (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại VTGS và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó và/hoặc các nghĩa vụ khác cho VTGS theo quy định của **Phần E** này;
- c) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung TSBĐ theo quy định của VTGS trong trường hợp TSBĐ của Khách hàng bị giảm sút giá trị theo đánh giá của VTGS, trả bớt dư nợ vay GDKQ, yêu cầu VTGS xử lý một phần hoặc toàn bộ TSBĐ để đảm bảo duy trì Ti lệ ký quỹ hiện tại luôn lớn hơn hoặc bằng Ti lệ ký quỹ duy trì. Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của VTGS khi VTGS phải xử lý TSBĐ;
- d) Trong thời hạn có hiệu lực của khoản vay, TSBĐ không được chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp TSBĐ cho bất kỳ bên thứ ba nào, không thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSBĐ, không xâm phạm đến TSBĐ hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền từ TSBĐ không đúng với các nội dung tại **Phần E** này;
- e) Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa TSBĐ, xử lý TSBĐ, mở, sử dụng và quản lý tài khoản;
- f) Thanh toán Dư nợ vay GDKQ khi đến hạn, Tiền lãi, phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho VTGS;
- g) Cho dù vì bất cứ lý do gì, nếu Khách hàng có Dư nợ vay GDKQ vượt hạn mức cho vay GDKQ theo quy định, vượt quá giới hạn số lượng chứng khoán cho vay..., Khách hàng phải thanh toán phần vượt ngay trong ngày VTGS thông báo cho Khách hàng;
- h) Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để trả đủ số tiền nợ gốc, lãi vay, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho VTGS; đồng thời đồng ý để VTGS tự động phong tỏa tài khoản và trích tài khoản của Khách hàng mở tại VTGS để trích tiền thu hồi các khoản nợ gốc, lãi vay, phí, phạt bồi thường thiệt hại cho VTGS;
- i) Ủy quyền cho VTGS toàn quyền xử lý TSBĐ để thu hồi nợ cho VTGS khi Ti lệ ký quỹ hiện tại lớn hơn hoặc bằng Ti lệ ký quỹ duy trì. VTGS có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt VTGS xử lý TSBĐ;
- j) Trong trường hợp VTGS xử lý TSBĐ, Khách hàng chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định;
- k) Đồng ý, chấp thuận, tuân thủ đúng và cam kết không có bất khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của **Phần E** này;
- l) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật cũng như các rủi ro do tổ chức và hoạt động của VTGS gây nên;
- m) Chịu mọi trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong trường hợp Khách hàng trở thành/không còn là cổ đông lớn, người có liên quan nội bộ, người có liên quan của người nội bộ và trong trường hợp VTGS bán chứng khoán hoặc xử lý tài sản của Khách hàng theo quy định nêu tại **Phần E** này.

51.3 Cam kết của Khách hàng:

- a) Khách hàng đã đọc và thông hiểu quy định về việc vay GDKQ quy định tại **Phần E** này và tại đây cam kết thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo **Phần E** này, các văn bản liên quan theo quy định của pháp luật;
- b) Khách hàng có đủ năng lực dân sự và thẩm quyền cần thiết để sử dụng giao dịch ký quỹ chứng khoán, tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại **Phần E** này;
- c) Khách hàng đồng ý rằng: Trừ trường hợp Khách hàng và VTGS có ký văn bản thỏa thuận khác đi một cách rõ ràng, Người được ủy quyền của Khách hàng liên quan đến TKCK của Khách hàng được hiểu là được ủy quyền tương đương trên cả TKCK và TKGDQK;
- d) Trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền giao dịch của Khách hàng, Khách hàng và Người được ủy quyền cam kết và đảm bảo không yêu cầu VTGS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu VTGS phải tham gia theo yêu cầu của tòa án thì Khách hàng và Người được ủy quyền sẽ liên đới chịu các phí tổn của VTGS để tham gia;
- e) Nội dung của **Phần E** này và việc Khách hàng ký kết và thực hiện các giao dịch đó đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/ cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng; người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng;
- f) Khách hàng cam kết chuyển giao cho VTGS bản sao đầy đủ của các quy định/chấp thuận nội bộ cho phép Khách hàng ký kết và thực hiện **Phần E** này; các quy định/chấp thuận đó vẫn còn đầy đủ hiệu lực và chưa bị sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh theo bất kỳ cách thức nào khác; Trường hợp có sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh các quy định/chấp thuận nội bộ nêu trên, Khách hàng cam kết ngay lập tức gửi thông tin cho VTGS. Nếu việc không thông báo hoặc thông báo chậm trễ dẫn đến vi phạm hoặc có thiệt hại phát sinh, Khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với VTGS, bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh;
- g) Đối với trường hợp Khách hàng chuyển chứng khoán/tiền mặt từ TKCK sang TKGDQK theo quy định của **Phần E** này, căn cứ vào phiếu yêu cầu của Khách hàng lập theo mẫu quy định của VTGS, VTGS sẽ thực hiện việc chuyển chứng khoán/chuyển tiền vào TKGDQK. Trường hợp Khách hàng yêu cầu thông qua điện thoại, Giao dịch trực tuyến...VTGS sẽ được quyền thay mặt Khách hàng tự động chuyển chứng khoán/tiền mặt theo yêu cầu của Khách hàng.

Điều 52: Quyền Và Nghĩa Vụ Của VTGS

52.1 Quyền của VTGS:

- a) Liên quan đến việc quản lý TKGDQK, Khách hàng ủy quyền cho VTGS và không hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn thành mọi

nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ Dư nợ vay GDKQ cho VTGS thực hiện các công việc sau:

- (i) Thay mặt Khách hàng xử lý TSBĐ để thu hồi các khoản tiền Khách hàng phải thanh toán cho VTGS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại **Phần E** này;
 - (ii) Thay mặt Khách hàng rút tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn cho VTGS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại **Phần E** này;
 - (iii) Thay mặt Khách hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với VTGS theo quy định tại **Phần E** này hay bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Khách hàng và VTGS hoặc theo quy định của pháp luật.
- b) Từ chối giải ngân nếu Khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSBĐ, các Tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ hoặc nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của VTGS; Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và/hoặc thay đổi tỉ lệ cho vay đối với bất kỳ mã chứng khoán nào thuộc Danh sách chứng khoán được phép GDKQ;
 - c) Đơn phương thay đổi các tỉ lệ liên quan tới quản lý, xử lý TSBĐ của Khách hàng..., và/hoặc thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách thức tính lãi vay mà không cần phải thông báo trước;
 - d) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh thay đổi tăng/giảm và chấm dứt hạn mức, sức mua đã cấp cho Khách hàng;
 - e) Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền đối với các tài khoản của Khách hàng tại VTGS để:
 - (i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại VTGS để thực hiện các GDKQ theo **Phần E** này;
 - (ii) Thu hồi nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ khác đối với các trường hợp được quy định **Phần E** này;
 - f) Được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) tự động chuyển tiền từ TKCK (nếu có) sang TKGDKQ trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các tỉ lệ yêu cầu trên TKGDKQ;
 - g) Tự động đóng TKGDKQ khi Khách hàng vi phạm các nội dung theo **Phần E** này;
 - h) Bất kỳ khi nào phát sinh nguồn tiền vào TKGDKQ của Khách hàng mà Khách hàng còn dư nợ ký quỹ thì VTGS được toàn quyền trích số tiền này để thanh toán dư nợ vay GDKQ và lãi vay mà không cần phải thông báo cho Khách hàng về việc thu nợ này. Tại thời điểm thu nợ, khoản nợ của Khách hàng có thể chưa đến hạn thanh toán;
 - i) Khi các khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ hoặc phải thanh toán trước hạn theo các quy định tại **Phần E** này, VTGS được quyền tự động trích tài khoản của Khách hàng tại VTGS hoặc tại bất kỳ tài khoản được ủy quyền giao dịch nào của Khách hàng;
 - j) Được quyền xử lý TSBĐ theo quy định tại **Phần E** này. Trường hợp xử lý TSBĐ bằng cách bán chứng khoán trên mà không bán được (do mất thanh khoản tại thời điểm cần xử lý), VTGS được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) nhận chứng khoán là TSBĐ theo giá sàn của ngày VTGS quyết định xử lý (bằng cách tự động thực hiện giao dịch vào tài khoản tự doanh của VTGS) để giảm bớt tương ứng nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng;
 - k) Được quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho VTGS trong trường hợp TSBĐ hoặc bảo lãnh không đủ để chi trả cho VTGS;
 - l) Được quyền thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra các sự kiện quy định tại **Điều 48** trên đây;
 - m) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của VTGS theo quy định của **Phần E** này và các văn bản bổ sung, sửa đổi kèm theo. Trong trường hợp này VTGS có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản;
 - n) Được quyền thu lãi vay và/hoặc các khoản phí khác theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và nội dung của **Phần E** này;
 - o) VTGS có quyền gửi Thông báo liên quan đến TKGDKQ cho chính chủ tài khoản và/hoặc người nhận ủy quyền giao dịch.

52.2 Nghĩa vụ của VTGS:

- a) Thực hiện nghĩa vụ thông báo trên trang thông tin điện tử của VTGS hoặc thông báo bằng một trong các hình thức được quy định tại **Điều 8** cho Khách hàng các thay đổi về lãi suất cho vay, danh mục ký quỹ, các tỉ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSBĐ, ... quy định tại **Phần E** này, các thỏa thuận và văn bản đi kèm (nếu có) theo phương thức do VTGS quyết định;
- b) Thực hiện đúng quy định tại **Phần E** này và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có);
- c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ Khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật;
- d) Thông báo cho Khách hàng trước khi thực hiện lệnh bán chứng khoán thể chấp và gửi cho Khách hàng kết quả giao dịch bán chứng khoán thể chấp theo phương thức do VTGS lựa chọn phù hợp với quy định của VTGS.